



**BỘ Y TẾ - VIỆN DINH DƯỠNG**  
**ĐIỀU TRA DINH DƯỠNG QUỐC GIA NĂM 2009**

---

M.4

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN**  
**TỔNG ĐIỀU TRA DINH DƯỠNG QUỐC GIA 2009**  
*(HƯỚNG DẪN PHÒNG VẤN DINH DƯỠNG HỘ GIA ĐÌNH)*

**HÀ NỘI**  
**THÁNG 4 NĂM 2009**

## MỤC LỤC

1. Giới thiệu cấu trúc phiếu và các ký hiệu quy định chung.....	9
Nhiều khả năng trả lời.....	9
Một khả năng trả lời.....	10
Ký hiệu " ☉ ".....	10
Ký hiệu " _ ".....	11
Ký hiệu " → Câu số.....	11
Định nghĩa "Hộ gia đình".....	11
2. PHẦN A - Thông tin hành chính.....	12
Mục đích:.....	12
ĐTV giới thiệu:.....	12
Mô tả các câu hỏi.....	13
A1-A3: Mã tỉnh/ thành phố; Huyện /quận; xã/ phường:.....	13
A4: Đặc điểm địa lý xã phường:.....	13
A5: Mã hộ gia đình:.....	13
A6: Ngày phỏng vấn:.....	13
A7. Họ tên/số mã điều tra viên:.....	13
A8: Họ tên chủ hộ.....	14
A9: Địa chỉ:.....	14
Ô ghi tổng hợp số mã phiếu và hiện trạng phiếu:.....	14
3. PHẦN B - Thông tin cá nhân.....	14
Mục đích:.....	14
Chú ý:.....	15
ĐTV giới thiệu:.....	15
Tổng số người trong hộ:.....	15
B2: Tên.....	15
B3: Năm sinh.....	15
B4a: Tên / số thứ tự của mẹ.....	16
B4b: Tên / số thứ tự của bố.....	16

B5: Giới .....	17
B6: Dân tộc .....	17
B7: Trình độ học vấn .....	17
B8: Nghề nghiệp.....	18
B9: Tình trạng sinh lý phụ nữ .....	20
B10: Uống rượu bia.....	20
B11: Hút thuốc lá, Lào (>1năm).....	20
B12: Cân nặng.....	21
B13: Chiều cao .....	22
Ghi chú: .....	23
4. PHẦN C: ĐIỀU KIỆN NHÀ Ở VÀ MÔI TRƯỜNG:.....	23
Mục đích: .....	23
C1. Vật liệu chính làm nền nhà (quan sát phối hợp với giám sát) .....	23
C2. Vật liệu chính để làm mái nhà (phỏng vấn và quan sát) .....	24
C3. Vật liệu chính để làm tường nhà (phỏng vấn và quan sát) .....	24
C4. Tổng diện tích để ở (diện tích sử dụng) .....	24
C5. Gia đình ta hiện có nhà tắm không (phỏng vấn và quan sát)? .....	25
C6. Gia đình ta hiện đang sử dụng loại cầu tiêu gì (kể cả dùng chung với hộ khác)? 25	
C7. Điều tra viên quan sát và đánh giá xem nhà có hợp vệ sinh không dựa theo quyết định 08 của bộ y tế.....	26
C8. Gia đình ta sử dụng nguồn nước chính nào cho ăn uống? (chỉ chọn một).....	28
C9. Dụng cụ sử dụng để chứa nước ăn .....	28
C10. Gia đình ta thường dùng nguồn năng lượng đun nấu nào? (Cho phép nhiều lựa chọn) .....	28
C11. Gia đình có điện lưới để dùng trong sinh hoạt không? .....	29
C12. Gia đình anh chị có [ ... ] không? .....	29
C13. Gia đình có vườn rau ở gần nhà không? (Phỏng vấn và quan sát).....	29
C14. Gia đình có ao thả cá không? (Phỏng vấn và quan sát) .....	29
C15. Trong 4 tuần qua gia đình có sử dụng phân tươi để nuôi cá, trồng trọt không? .....	29

C16. Hàng năm nhà anh chị có bị lũ lụt hoặc hạn hán làm ảnh hưởng không? ....	29
C16a. Lũ lụt hoặc hạn hán có làm ảnh hưởng đến nguồn nước ăn không? .....	30
C16b. Nếu có thì gia đình dùng nguồn nước nào để sử dụng cho ăn uống trong khi bị lũ lụt hoặc hạn hán .....	30
C16c. Nguồn nước đó được xử lý bằng phương pháp gì trước khi ăn uống (Cho phép chọn nhiều) .....	30
5. PHẦN D: KINH TẾ HỘ GIA ĐÌNH .....	30
D1. Thu nhập trung bình tháng của cả hộ gia đình trong năm vừa qua? (sau khi đã hoàn vốn đầu tư nếu có) (Nếu thu nhập dưới dạng khác, quy đổi sang tiền đồng Việt nam).....	30
D2. Chi tiêu của hộ trong tuần vừa qua cho ăn uống (nghìn đồng)? .....	31
6. PHẦN E: AN NINH LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM .....	31
E1. Gia đình anh chị thường ăn các loại lương thực nào là chính trong năm qua? 31	
E2. Xin anh/chị nhớ lại trong vòng 12 tháng qua có tháng nào mà gia đình anh chị không đủ LTTP theo nhu cầu của gia đình không? .....	31
E2a. Nếu có, xin anh/chị cho biết những tháng nào gia đình không có đủ LTTP theo nhu cầu của gia đình? (cho phép nhiều lựa chọn) (Không gọi ý tháng thiếu) 31	
E2b. Lương thực thực phẩm thay thế.....	31
E3. Trong tuần qua, gia đình anh chị dùng hết bao nhiêu dầu ăn? .....	31
E4. Trong tuần qua, gia đình anh chị dùng hết bao nhiêu mỡ?.....	31
E5. Gia đình anh/chị thường sử dụng các loại gia vị mặn nào dưới đây cho chế biến thức ăn của gia đình không? Nếu có, giá mua 1 kg của chúng? .....	32
E6. Xin anh/chị cho biết lý do vì sao không dùng muối hoặc bột canh có muối I ốt? 32	
7. PHẦN F: VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM .....	32
Mục đích: .....	32
F1: Anh/ chị đã bao giờ được xem/nghe/ được tuyên truyền về kiến thức VSATTP chưa? .....	32
F2: Nếu đã từng thì nhiều nhất từ nguồn thông tin nào ?.....	33
F3: Anh/ chị có biết các nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm là gì không?.....	33

F4: Xin anh/chị cho biết một số cách để phòng tránh ngộ độc thực phẩm? .....	33
F5: Gia đình anh/ chị có thói quen ăn thịt, cá dạng tái hoặc nấu chưa chín kỹ không? .....	34
F6: Trong 12 tháng qua, anh/chị có ăn gỏi, tiết canh không? .....	34
F7: Trong 12 tháng qua, anh/chị có ăn trứng sống hay trứng chần không .....	34
F8: Anh/chị có sử dụng dao, thớt riêng cho thực phẩm sống và thức ăn chín không? .....	34
F9: Thời gian từ khi anh/ chị chế biến thức ăn xong đến khi ăn là bao lâu?.....	34
F10: Thức ăn còn thừa được bảo quản thế nào cho bữa tiếp theo ? .....	34
F11: Anh/chị rửa rau, củ, quả như thế nào trước khi chế biến/trước khi ăn? .....	35
F12: Gia đình anh/chị rửa các dụng cụ nấu ăn và bát đĩa bằng nước gì? .....	35
F13: Gia đình anh/chị rửa các dụng cụ nấu ăn và bát đĩa bằng nước gì? .....	35
F12: Gia đình Anh/chị cho biết các biểu hiện của ngộ độc thực phẩm? (cho phép nhiều lựa chọn) (không gợi ý)?.....	35
F15: Trong tháng vừa qua gia đình anh/chị có ai bị ngộ độc thực phẩm không?..	35
F16: Nếu có thì gia đình có thông báo ngay với y tế địa phương không? .....	35
F17: Khi được thông báo, cán bộ chính quyền, y tế đã xử trí như thế nào? .....	36
F18: Bác sĩ/nhân viên y tế có lấy mẫu phẩm (thực phẩm thừa, phân, máu, nước tiểu) để xét nghiệm không? .....	36
F19: Khi có người bị ngộ độc, anh/chị hoặc người thân trong gia đình xử trí như thế nào? (Cho phép nhiều lựa chọn) .....	36
<b>8. PHẦN G: TIẾP CẬN SỬ DỤNG DỊCH VỤ Y TẾ.....</b>	<b>36</b>
Mục đích: .....	36
G1: Thời gian để đi từ nhà đến trạm y tế bằng các phương tiện nhanh nhất có sẵn của gia đình .....	37
G2: Lần tiếp xúc của gia đình với cán bộ của trạm y tế gần đây nhất cách đây bao lâu (số ngày, tháng).....	37
G3: Chị đã bao giờ được hưởng các các dịch vụ sau của trạm y tế không? (cho phép nhiều lựa chọn) (hỏi từng mục một).....	37
G4: Lần tiếp xúc của gia đình với công tác viên dinh dưỡng (CTV) gần đây nhất cách đây bao lâu? .....	37
G4a: Nếu dưới 1 tháng thì số lần gặp CTV trong tháng qua là: .....	37

G4b: Gặp gỡ trong hoàn cảnh nào (cho phép nhiều lựa chọn) (hỏi từng lần gặp một):	38
G4c: Trong những lần gặp gỡ với đó chị có được CTV tư vấn gì không? (cho phép nhiều lựa chọn) (hỏi từng mục một):	38
<b>VI CHẤT DINH DƯỠNG</b>	38
G5: Tuổi sinh con lần đầu của chị?	38
G6: Chị đã từng được nghe về bệnh thiếu máu chưa ?	38
G7: Nếu có, xin cho biết các biểu hiện của người bị bệnh thiếu máu (cho phép nhiều lựa chọn) (không gợi ý)	38
G8: Nếu có, xin cho biết các cách phòng và điều trị bệnh thiếu máu (cho phép nhiều lựa chọn) (không gợi ý)	39
G9: Chị có được nghe/ xem/ thấy các thông tin về viên sắt hay không?	39
G10: Nếu có, chị nghe/ xem/ thấy thông tin đó từ đâu? (cho phép nhiều lựa chọn) (hỏi từng lựa chọn một)	39
G11: Nếu được biết từ các cơ sở y tế hoặc địa điểm công cộng thì được biết thông qua những hình thức nào ? (cho phép nhiều lựa chọn) (hỏi từng lựa chọn một)	39
G12: Chị có được nghe thông tin về vitamin A không?	39
G13: Nếu có, chị nghe thông tin đó từ đâu ? (cho phép nhiều lựa chọn) (hỏi từng lựa chọn một)	39
G14: Nếu được biết từ các cơ sở y tế hoặc địa điểm công cộng thì được biết thông qua những hình thức nào ? (cho phép nhiều lựa chọn) (hỏi từng lựa chọn một)	39
G15: Chị thường rửa tay với xà phòng hoặc nước rửa khi nào?	40
G16: Sau khi cho trẻ đi vệ sinh, Chị thường xử lý phân của trẻ như thế nào?	40
<b>9. PHẦN H: CHĂM SÓC BÀ MẸ TRẺ EM</b>	40
<b>CHĂM SÓC THAI SẢN</b>	40
H1: Tên và số thứ tự của trẻ dưới 5 tuổi	40
H2: ĐTV kiểm tra có phải bà mẹ có con dưới 2 tuổi	40
H3: Nơi sinh của lần chị sinh [tên_trẻ] ở đâu?	40
H4: Trong thời gian có thai cháu [tên_trẻ] chị có được khám thai tại CSYT không?	40

H4a: Nếu có, chị được khám thai bao nhiêu lần tại CSYT trước khi sinh cháu [tên trẻ]? .....	40
H4b: Nếu có, những ai đã khám thai cho chị? ... còn ai nữa? (cho phép nhiều lựa chọn)(không gọi ý).....	41
H5: Trong thời gian có thai cháu [tên_trẻ], chị đã ăn uống thế nào?.....	41
H6: Trong thời gian có thai cháu [tên_trẻ], chị có bị quáng gà không?.....	41
H7: Trong thời gian có thai cháu [tên_trẻ] chị có uống viên sắt, viên đa vi chất hay thuốc bổ máu không? .....	41
<b>NUÔI CON BẰNG SỮA MẸ VÀ ĂN BỔ SUNG.....</b>	<b>42</b>
H8: Cháu [tên_trẻ] đã từng được bú mẹ chưa? .....	42
H9: Sau khi sinh bao lâu thì cho cháu [tên_trẻ] ngậm bú mẹ (áp miệng trẻ vào đầu vú)? .....	42
H10: Trong ngày và đêm qua cháu [tên_trẻ] có được bú mẹ lần nào không? .....	42
H10a: Trong ngày và đêm qua cháu [tên_trẻ] có được bú từ bình/chai hay không? .....	42
H11: Chị đã hoặc sẽ cho cháu [tên_trẻ] bú đến bao nhiêu tháng tuổi?.....	42
H12: Kể từ khi sinh đến giờ, cháu [tên_trẻ] đã từng ăn/uống loại thực phẩm nào dưới đây chưa? (cho phép nhiều lựa chọn) (hỏi từng mục một) Nếu có thì từ tháng tuổi nào bắt đầu cho cháu [tên_trẻ] ăn/uống loại thực phẩm đó? .....	43
<b>CHĂM SÓC TRẺ BỆNH.....</b>	<b>44</b>
H13: Trong hai tuần qua cháu [tên_trẻ] có bị tiêu chảy (đi ngoài phân lỏng từ 3 lần trở lên trong 1 ngày) không? .....	44
H13a: Nếu bị, cháu [tên_trẻ] đã được uống những gì trong lần bị tiêu chảy gần đây nhất? .....	44
H13b: Khi cháu [tên_trẻ] bị tiêu chảy, chị có tiếp tục cho cháu bú mẹ không? .....	45
H13c: Trong những lần trẻ bị tiêu chảy chị cho cháu [tên_trẻ] bú mẹ như thế nào? ít hơn? như bình thường hay nhiều hơn?.....	45
H13d: Trong những lần trẻ bị tiêu chảy chị cho cháu [tên_trẻ] uống nước như thế nào? ít hơn? như bình thường hay nhiều hơn??.....	45
H14: Nếu cháu [tên_trẻ] bị tiêu chảy chị thường hỏi ai cách chữa, điều trị cho cháu? ... còn ai hay bằng cách nào nữa? (cho phép nhiều lựa chọn) (Không gọi ý) 45	
H15: Cháu [tên_trẻ] có bị ho trong 2 tuần vừa qua không? .....	46

H15a: Nếu có, khi cháu bị ho, chị có cho cháu bú mẹ không.....	46
H15b: Trong lần trẻ bị ho này chị cho cháu [tên_trẻ] bú mẹ như thế nào? ít hơn? như bình thường hay nhiều hơn?? .....	46
H15c: Sau bao lâu kể từ khi cháu [tên_trẻ] bị ho thì chị mang cháu đi chữa trị? ..	46
H16: Nếu cháu [tên_trẻ] bị ho chị thường hỏi ai cách chữa, điều trị cho cháu? ..	46
H17: Trong 6 tháng qua cháu có được tẩy giun lần nào không? .....	46
H17a: Nếu có, cháu được tẩy giun cách đây bao lâu ? .....	47
THEO DÕI TĂNG TRƯỞNG .....	47
H18: Cháu [tên_trẻ] có được cân khi mới sinh ra không?.....	47
H19: Cháu [tên_trẻ] có được cân và theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng không?? .....	47
H19a: Nếu có, lần cuối cùng cháu [tên_trẻ] được cân cách đây bao lâu?.....	47
H19b: Nếu có thì ai hiện đang giữ biểu đồ đó? (Nếu bà mẹ giữ thì hỏi cho xem) 47	
10. PHẦN I: THÔNG TIN VỀ CUỘC PHÒNG VẤN .....	47
I1: Thời gian và địa điểm hẹn phỏng vấn nếu chưa kết thúc: .....	48
I2: Ngôn ngữ được sử dụng trong khi phỏng vấn:.....	48
I3: Đánh giá sự hợp tác của hộ gia đình: .....	48
I4: Ghi lại kết quả thử muối I ốt của ĐTV khẩu phần: .....	48
I5: Nhận xét/ ghi chú của ĐTV:.....	49
I6: Nhận xét/ ghi chú của ĐT:.....	49
I7: Nhận xét/ ghi chú của GSV: .....	49



### 1. Giới thiệu cấu trúc phiếu và các ký hiệu quy định chung

#### Nhiều khả năng trả lời

Các số kèm theo ô vuông đứng trước dành cho các mã được phép chọn nhiều khả năng trả lời. ĐTV đánh dấu X vào các tương ứng đã được đối tượng trả lời.

*Ví dụ:*

<b>C10</b>	Gia đình anh/chị thường dùng nguồn năng lượng đun nấu nào?  (Cho phép nhiều lựa chọn )	Điện	<input type="checkbox"/> 1
		Khí Gaz dạng lỏng đóng bình	<input checked="" type="checkbox"/> 2
		Khí ga sinh học (Biô gaz)	<input type="checkbox"/> 3
		Dầu hỏa	<input type="checkbox"/> 4
		Than bùn, than đá, than tổ ong, than củi	<input type="checkbox"/> 5
		Củi, rom, lá, cỏ khô	<input type="checkbox"/> 6
		Khác (Ghi rõ)	<input checked="" type="checkbox"/> 9
☒ Năng lượng mặt trời .....			

Trả lời cho câu C10 là gia đình sử dụng khí gaz hóa lỏng (2) và năng lượng khác (9) để đun nấu.

- o Khi phỏng vấn các câu có nhiều khả năng trả lời, ĐTV cần chú ý hướng dẫn trên câu hỏi:
- (a) **(Cho phép nhiều lựa chọn):** ĐTV có thể đánh dấu nhiều hơn 1 lựa chọn trả lời nếu có. Trong trường hợp này, ĐTV cần hỏi thêm câu "...còn gì nữa không". Ví dụ như ở câu C10 ở trên thì ĐTV sẽ hỏi "Ngoài bình gaz ra gia đình ta còn có sử dụng nguồn năng lượng nào khác để đun nấu cho gia đình nữa không?"
- (b) **(cho phép nhiều lựa chọn)(không gợi ý):** ĐTV chỉ hỏi câu hỏi chính ở bên trái mà không được đọc các khả năng trả lời ở bên phải. Sau mỗi câu đối tượng trả lời thì ĐTV lại hỏi "... còn gì khác nữa không?". Ví dụ câu F3 (Xem hình dưới): ĐTV chỉ hỏi " Anh/ chị có biết các nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm là gì không?". Nếu đối tượng trả lời là "do vi khuẩn" thì ĐTV đánh dấu X vào ô vuông trước ô số 1 sau đó lại hỏi tiếp "Anh/chị còn biết nguyên nhân nào khác nữa gây ngộ độc thực phẩm không?"

<b>F3</b>	Anh/ chị có biết các nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm là gì không?  (cho phép nhiều lựa chọn)  (không gợi ý)	Do vi khuẩn/vi trùng	<input checked="" type="checkbox"/> 1
		Do nấm mốc	<input type="checkbox"/> 2
		Do thuốc trừ sâu	<input type="checkbox"/> 3
		Do kháng sinh	<input type="checkbox"/> 4
		Do nấm độc	<input type="checkbox"/> 5
		Do chất bảo quản trái phép	<input type="checkbox"/> 6
		Thực phẩm bị ôi, thiu	<input type="checkbox"/> 7
		Thực phẩm bị nhiễm hóa chất độc	<input type="checkbox"/> 9

		Thực phẩm bị ô nhiễm vi khuẩn <input type="checkbox"/> 10 Thực phẩm chế biến không an toàn <input type="checkbox"/> 11 Do thói quen ăn uống không hợp vệ sinh <input type="checkbox"/> 12 Khác, nêu rõ <input type="checkbox"/> 99 ☞ ..... Không biết/không trả lời <input type="checkbox"/> 88
--	--	--

(c) (cho phép nhiều lựa chọn) (hỏi từng mục một ý): ĐTV sau khi đọc câu hỏi ở bên trái thì lần lượt hỏi từng mục trả lời ở bên phải. Ví dụ câu G4c (Xem hình ở bên dưới):

- (2) ĐTV hỏi " Trong những lần gặp gỡ đó, chị có được CTV tư vấn về tình trạng dinh dưỡng của trẻ không?" → Đối tượng trả lời có/không.
- (3) ĐTV hỏi: " chị có được CTV tư vấn về cách nuôi dưỡng chăm sóc trẻ không?" → Đối tượng trả lời có/không.
- (4) ĐTV hỏi: " chị có được CTV hướng dẫn đến các cơ sở y tế để kiểm tra không" → Đối tượng trả lời có/không.
- (5) ĐTV hỏi: " chị có được CTV tư vấn khác không?" → Đối tượng trả lời có/không.

<b>G4c</b>	Trong những lần gặp gỡ với đó chị có được CTV tư vấn gì không? (cho phép nhiều lựa chọn) (hỏi từng mục một)	Tư vấn về tình trạng dinh dưỡng của trẻ <input type="checkbox"/> 1 Tư vấn về cách nuôi dưỡng chăm sóc trẻ <input type="checkbox"/> 2 Hướng dẫn đến các cơ sở y tế để kiểm tra <input type="checkbox"/> 3 Không biết/ không nhớ <input type="checkbox"/> 8 Tư vấn khác <input type="checkbox"/> 9 ☞ .....
------------	---	---

### Một khả năng trả lời

Khi phỏng vấn các câu chỉ có **một** khả năng trả lời (Không có ô vuông đứng trước), ĐTV chỉ cần khoanh tròn vào số tương ứng với câu trả lời của đối tượng. (Nếu ĐTV khoanh vào nhiều ô cùng một lúc thì sẽ bị bắt lỗi). Ví dụ:

<b>C15</b>	Trong 4 tuần qua gia đình có sử dụng <b>phân tươi</b> để nuôi cá hoặc trồng trọt không?	Có 1 Không ②
------------	---	-----------------

### Ký hiệu " ☞ "

Ký hiệu " ☞ " dùng để viết trực tiếp câu trả lời của đối tượng hoặc trong các câu khác, ghi rõ. (Xem ví dụ câu C10, F3, G4c ở trên).

**Ký hiệu " \_ "**

- Các ký hiệu " \_ " thường dùng được vào các thông tin có giá trị số khi cần giới hạn chiều dài của con số như ngày tháng năm, số mã...

**Ký hiệu " → Câu số "**

- Ký hiệu " → Câu số " thường đi theo sau các mã lựa chọn và dùng để thông báo số mã câu hỏi sẽ cần phải chuyển đến nếu đối tượng có mã trả lời trung vào mã này. Ví dụ (Xem hình bên dưới): Hộ gia đình trả lời không (2); ĐTV sẽ bỏ qua câu E2a, E2b và chuyển sang hỏi câu E3

<b>E2</b>	Trong tháng qua, Gia đình anh/chị có bao giờ hết lương thực chính để ăn không?	<div style="text-align: right;">           Có 1            Không ②         </div>	→ E3
<b>E2a</b>	Số ngày trong tháng hết lương thực là:	<del>.....</del> _ _	
<b>E2b</b>	Lương thực thực phẩm đã thay thế là:	<del>.....</del>	
<b>E3</b>	Trong tuần qua, Gia đình anh/chị dùng hết bao nhiêu dầu ăn?	<div style="text-align: right;"> <del>.....</del> lít  <i>Không ăn dầu= 0</i> </div>	

**Định nghĩa "Hộ gia đình"**

Hộ gia đình là một nhóm người (có từ 3 người trở lên) sống trong cùng một mái nhà và thường xuyên ăn chung một mâm cơm trong thời gian ít nhất là 3 tháng trước ngày điều tra.

- ĐTV không được dựa vào "Hộ gia đình" theo hộ khẩu của chính quyền địa phương. ĐTV phải xác định "Hộ gia đình" theo định nghĩa nêu trên của cuộc điều tra này.
- Thành viên hộ gia đình có thể có hoặc không có quỹ thu chi chung, có thể có hoặc không có quan hệ ruột thịt hoặc kết hợp cả hai.
- Một hộ theo sổ hộ khẩu của địa phương có thể chia thành hai hộ theo định nghĩa của cuộc điều tra này. Ví dụ: con trai xây dựng gia đình, vẫn ở chung với bố mẹ, nhưng đã nấu ăn riêng được 4 tháng. Trong trường hợp này vợ chồng người con phải được coi là một hộ độc lập vì không ăn chung cùng với bố mẹ, mặc dù vẫn ở chung nhà.

- Một số trường hợp đặc biệt sau đây vẫn được coi là thành viên trong 1 hộ:
  - Trẻ em vừa mới sinh ra trong hộ, vẫn được coi là thành viên trong hộ.
  - Người mới chuyển đến trong hộ với lý do hôn nhân và đã quyết định ở lại hộ trong thời gian dài. Ví dụ: con dâu mới về gia đình chồng được nửa tháng, nhưng vẫn được coi là thành viên trong hộ nếu 2 vợ chồng đang ở và ăn chung với bố mẹ.
  - Những người thân trong gia đình (con đi học trở về, bộ đội xuất ngũ, họ hàng thân thiết) mới nhập vào hộ chưa được 3 tháng, nhưng đã quyết định ở lại trong hộ trong một thời gian dài (từ 3 tháng trở lên) và sẽ ăn chung cùng hộ.
  - Trường hợp thợ đến làm thuê, ở lại tại hộ gia đình trong thời gian dài (hơn 3 tháng) nhưng ăn riêng, những người này cũng sẽ không được tính là thành viên của hộ gia đình này.
  - Trường hợp người đến thuê nhà trên 3 tháng nếu ăn cùng thì vẫn phải tính là thành viên hộ gia đình, còn nếu ăn riêng thì phải tính là một hộ riêng.
  - Trường hợp thành viên trong hộ gia đình đang đi làm ăn hay học tập ở xa nhưng vẫn thường xuyên về nhà (ít nhất 1 tháng 1 lần), vẫn được tính vào hộ gia đình.
  - Trường hợp một chồng có 2 vợ và không ở cố định với vợ nào cả, ĐTV hỏi người chồng để xác định xem người chồng ở với vợ nào nhiều hơn và người chồng với người vợ ấy sẽ được xếp chung vào một hộ.

## 2. PHẦN A - Thông tin hành chính

### Mục đích:

Trong phần này, ĐTV phải nắm vững cách xác định hộ gia đình, cách phỏng vấn và ghi chép các thông tin để có thể tìm lại hộ khi cần thiết.

Các thông tin xác định hộ có thể điền trước khi đến phỏng vấn hộ. ĐTV hoặc đội trưởng là người chịu trách nhiệm điền các thông tin này.

### ĐTV giới thiệu:

ĐTV tự giới thiệu theo hướng dẫn của bộ câu hỏi, khẳng định đúng nhà cần hỏi và xin địa chỉ. Ví dụ:

... giới thiệu ban đầu... "*Xin phép được hỏi anh/chị*" -- đọc tên chủ hộ -- "*có đúng không ạ?*" *Anh/ chị có thể cho biết địa chỉ*" -- đọc địa chỉ -- "*đã chính xác chưa?*" ...

"Anh/ chị có thể cho biết số điện thoại khi cần thiết phải liên lạc với gia đình không? Nếu có thì số... là gì"

### Mô tả các câu hỏi

#### A1-A3: Mã tỉnh/ thành phố; Huyện /quận; xã/ phường:

ĐTV ghi rõ tên tỉnh/ tên thành phố, tên huyện/ quận và tên xã/ phường. Mã xã được ghi theo bảng mã quy định của TĐT. Nếu ĐTV không rõ thì Đội trưởng hướng dẫn ghi các thông tin này.

Ví dụ:

A1	Tỉnh/ Thành phố:	☒ Cà Mau.....
A2	Huyện/ Quận:	☒ U Minh.....
A3	Xã/ Phường:	☒ Lý Văn Lâm..... 3 2 0 3 2.

#### A4: Đặc điểm địa lý xã phường:

Dựa theo phân loại đặc điểm địa lý của địa phương (xã/phường) tiến hành điều tra. Chỉ được chọn 1 trong 5 phương án trả lời. Đặc điểm của thông tin xã phường sẽ phải khớp với thông tin thu thập từ xã/ phường (Phiếu P2 - PHIẾU ĐIỀU TRA TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA XÃ/PHƯỜNG NĂM 2009).

#### A5: Mã hộ gia đình:

Dựa theo bản danh sách hộ gia đình đã được xác định. Nếu ĐTV không rõ thì Đội trưởng hướng dẫn ghi các thông tin này.

Tất cả các trang tiếp theo của bộ câu hỏi phải được điền số mã hộ gia đình trong 3 ô vuông ở góc trái trên cùng của trang giấy.

#### A6: Ngày phỏng vấn:

ĐTV ghi cụ thể ngày tiến hành cuộc phỏng vấn (Ghi theo ngày dương lịch). ĐTV phỏng vấn phiếu nào thì ghi ngày của phiếu đó, không ghi ngày trước hoặc sau khi phỏng vấn.

#### A7. Họ tên/số mã điều tra viên:

ĐTV ghi rõ họ tên và mã số của mình.

*Chú ý:* Số mã điều tra viên do nhóm điều tra của các tỉnh quyết định. Ví dụ: đánh mã điều tra viên: 1=Đội trưởng; 2=Phòng vấn Hộ gia đình; 3=Đo nhân trắc; 4=Phòng vấn khẩu phần hộ gia đình; 5=Phòng vấn khẩu phần trẻ dưới 3 tuổi.

#### **A8: Họ tên chủ hộ**

Chủ hộ là người đại diện của hộ được các thành viên trong hộ thừa nhận. Tên của chủ hộ sẽ được địa phương cung cấp trong danh sách chọn mẫu. Tuy nhiên có thể hiệu chỉnh lại nếu phát hiện sự thiếu chính xác trong quá trình phỏng vấn.

ĐTV ghi đầy đủ họ và tên của chủ hộ. Ghi theo tên khai sinh, nếu có tên thường gọi thì ghi vào bên cạnh.

#### **A9: Địa chỉ:**

ĐTV ghi cụ thể địa chỉ gia đình ở thường xuyên theo thứ tự: Số nhà - thôn/ấp/bản tổ/đường phố (nếu có).

Nếu địa chỉ không cụ thể thì bổ xung thêm thông tin khác để có thể tìm được chỗ ở của hộ gia đình trong trường hợp cần thiết.

Hỏi ghi số điện thoại máy bàn hoặc di động để liên lạc trước trong trường hợp cần phải quay lại hộ gia đình

#### **Ô ghi tổng hợp số mã phiếu và hiện trạng phiếu:**

ĐTV ghi lại số mã xã và số mã hộ vào các ô vuông trên mép trái của trang đầu tiên (Sát với phần giới thiệu). Nếu hộ đã kết thúc phỏng vấn và không cần phải quay trở lại thì đánh dấu × vào ô dưới cùng có chữ [KT]. Hộ chưa kết thúc các công việc điều tra sẽ không gạch chéo và phải hẹn quay lại ở trang cuối cùng của bộ phiếu này.

### **3. PHẦN B - Thông tin cá nhân**

#### **Mục đích:**

Phần B chủ yếu sử dụng để thu thập thông tin cơ bản của cá nhân. Các số liệu cân đo nhân trắc sẽ giúp cho đánh giá tình trạng dinh dưỡng của các thành viên hộ gia đình.

Đối tượng phỏng vấn là bất cứ người trưởng thành (người lớn) nào trong hộ.

Hỏi và xác định các đối tượng sẽ tham gia phỏng vấn các phần tiếp theo của phiếu.

**Chú ý:**

Người trả lời phỏng vấn có thể là chủ hộ hoặc bất kỳ người lớn nào trong hộ gia đình. Để giảm thời gian cho những thành viên không phải trả lời phỏng vấn, cân đo thể lực có thể được ĐTV nhân trắc đo trước. Những thành viên không tham gia phỏng vấn được xác định trong phần này sau đó có thể được tự do.

Trong trường hợp không có đủ các thành viên trong gia đình, ĐTV nhân trắc sẽ phải hẹn quay lại gia đình hoặc mời những người chưa cân ra địa điểm hẹn trước để cân đo lại.

**ĐTV giới thiệu:**

*"Đầu tiên, hay cho biết tên của từng người một, bắt đầu từ người nhiều tuổi nhất rồi giảm dần theo tuổi."*

**Tổng số người trong hộ:**

ĐTV hỏi tổng số người trong hộ gia đình theo định nghĩa hộ gia đình ở trên.

**B2: Tên**

ĐTV ghi tên các thành viên hộ gia đình theo chiều từ trái sang phải bắt đầu từ người nhiều tuổi nhất; những người còn lại ghi theo thứ tự từ người có tuổi cao nhất đến có tuổi ít nhất. Nếu danh sách có trên 7 thành viên thì chuyển sang trang 2 của danh sách thành viên hộ gia đình. Nếu danh sách có trên 14 thành viên thì lấy thêm trang dự trữ để điền. Trang danh sách mới sẽ phải dập gim ghép vào danh sách hộ.

Nếu có khách đến ăn cơm cùng hộ gia đình ngày hôm trước (so với ngày điều tra) thì ghi tên khách tiếp theo sau danh sách các thành viên hộ gia đình.

**B3: Năm sinh**

Với những thành viên từ 5 tuổi trở lên, chỉ ghi năm sinh;

Với những thành viên dưới 5 tuổi (60 tháng tuổi):

ĐTV ghi rõ ngày tháng năm sinh (theo dương lịch) của từng trẻ. Cách ghi là: ngày/tháng/năm. Ví dụ: 16/5/2006 tức là sinh vào ngày 16 tháng 5 năm 2006. Nếu vào ngày âm thì phải ghi chữ "AL," ở trước. Ví dụ "AL 16-5-ất mùi" tức là sinh vào ngày 16 tháng năm âm lịch của năm ất mùi.

ĐTV phải hỏi ngày tháng năm sinh của tất cả trẻ dưới 5 tuổi!

Nếu không biết hoặc không nhớ ngày sinh thì hỏi tiếp cháu sinh vào đầu tháng, giữa tháng hay là cuối tháng. Nếu đầu tháng thì ghi ngày 5, nếu giữa tháng thì

ghi ngày 15, nếu cuối tháng thì ghi ngày 25. Ví dụ cháu sinh giữa tháng 3 năm 2007 thì ghi là 15/3/2007.

Nếu không biết hoặc không nhớ ngày và tháng sinh thì hỏi ước lượng thời gian sinh của cháu vào mùa nào và ghi ngày 15 tháng thứ 2 của mùa đó. Ví dụ cháu sinh vào mùa xuân năm 2007 thì ghi là 15/2/2007.

**B4a: Tên / số thứ tự của mẹ**

ĐTV hỏi "Xin anh/chị cho biết ai trong hộ gia đình là mẹ của [tên thành viên đang hỏi]. Nếu không có ai hoặc là người đầu tiên thì điền 88.

Nếu có, ghi tên mẹ của thành viên đó vào ô trên và số thứ tự của mẹ vào ô dưới.

Nếu thành viên đang hỏi là khách thì không hỏi ai là mẹ (kể cả trên thực tế có mẹ trong hộ này nhưng bản thân khách lại là người từ hộ khác đến) thì điều 99 vào ô dưới.

Chú ý:

Mã khách=99 là những người đến ăn cơm ít nhất là 1 bữa cùng hộ gia đình ngày hôm trước (so với ngày điều tra)

Không hỏi tên mẹ và số thứ tự của mẹ cho thành viên đầu tiên (thành viên cao tuổi nhất).

Nếu bố hoặc mẹ của trẻ và có bà đẻ của bố hoặc mẹ sống cùng trong hộ thì ghi tên bà và số thứ tự của bà vào.

**B4b: Tên / số thứ tự của bố**

Tương tự như câu 4a, ĐTV hỏi "Xin anh/chị cho biết ai trong hộ gia đình là bố của [tên thành viên đang hỏi]. Nếu không có ai hoặc là người đầu tiên thì điền 88.

Nếu có, ghi tên bố của thành viên đó vào ô trên và số thứ tự của cha vào ô dưới.

Nếu thành viên đang hỏi là *khách* thì không hỏi ai là bố (kể cả trên thực tế có bố trong hộ này nhưng bản thân khách lại là người từ hộ khác đến) thì điều 99 vào ô dưới.

Chú ý:

Mã khách=99 là những người đến ăn cơm ít nhất là 1 bữa cùng hộ gia đình ngày hôm trước (so với ngày điều tra)

Không hỏi tên bố và số thứ tự của mẹ cho thành viên đầu tiên (thành viên cao tuổi nhất).

Nếu bố hoặc mẹ của trẻ và có ông đẻ của bố hoặc mẹ sống cùng trong hộ thì ghi tên ông và số thứ tự của ông vào.



**B5: Giới**

ĐTV ghi giới tính của thành viên hộ gia đình.

Chú ý: Có hỏi giới đối với khách đến gia đình ăn cơm.

**B6: Dân tộc**

Các thành viên hộ gia đình thuộc dân tộc nào thì khai rõ tên của dân tộc đó dựa vào bảng mã dân tộc trong phụ lục BK08. Nếu dân tộc nào không có trong bản mã dân tộc thì ghi 99. Con của hai vợ chồng không cùng dân tộc:

Nếu đã đủ 18 tuổi trở lên thì người con đó tự xác định dân tộc cho mình;

Nếu chưa đủ 18 tuổi thì do cha mẹ thống nhất khai thay;

Những người nước ngoài đã nhập quốc tịch Việt nam thì quy ước ghi 55.

**B7: Trình độ học vấn****Một số định nghĩa về học vấn:**Không bằng cấp:

Là những người chưa từng đi học hoặc chưa học hết cấp tiểu học (Cấp I).

Những người này có thể chưa biết đọc, chưa biết viết hoặc có thể đọc, viết và hiểu đầy đủ những câu đơn giản bằng chữ quốc ngữ, chữ dân tộc hoặc chữ nước ngoài

Tiểu học:

Là những người đang đi học hoặc đã thôi học nhưng đã hoàn thành chương trình học tiểu học (Cấp I).

Trung học cơ sở:

Là những người đang đi học hoặc đã thôi học nhưng đã hoàn thành chương trình học trung học (Cấp II).

Trung học phổ thông:

Là những người đang đi học hoặc đã thôi học nhưng đã hoàn thành chương trình học trung học phổ thông (Cấp III).

Trung cấp:

Là những người đã tốt nghiệp các trường công nhân kỹ thuật hoặc trung học chuyên nghiệp.

Cao đẳng/đại học:

Là trình độ học vấn của những người đang theo học hoặc đã tốt nghiệp cao đẳng/đại học.

Sau đại học:

Là trình độ học vấn của những người đang theo học hoặc đã tốt nghiệp cấp học vị thạc sĩ, phó tiến sĩ hoặc tiến sĩ.

Chú ý: Không hỏi học vấn đối với khách đến gia đình ăn cơm.

**B8: Nghề nghiệp**

Nghề nghiệp chính hiện tại được tính là công việc mà người đó bỏ thời gian lao động nhiều nhất. Thu nhập và sức lực trong trường hợp này không phải là tiêu chí để xác định nghề nghiệp chính.

Đối với trường hợp là cán bộ hưu trí hoặc về mất sức, nhưng hiện tại đang làm thêm một nghề nào đó thì ghi nghề nghiệp chính là nghề đang làm.

**Định nghĩa:**

Nông dân (1):

Là người có những hoạt động trực tiếp liên quan đến việc đồng áng, như đi cày, cuốc, cấy, gặt...trên diện tích đất nông nghiệp của chính bản thân hoặc của gia đình để thu lợi nhuận cho chính bản thân hoặc gia đình. Một số trường hợp có thể gặp:

- Trường hợp 1, có ruộng đất nhưng lại thuê người làm từ đầu cho đến khi thu hoạch về nhà, thì người này mặc dù có ruộng nhưng lại không tham gia trực tiếp vào công việc đồng áng do vậy không được tính nghề nghiệp là làm ruộng.
- Trường hợp 2, không có ruộng để sản xuất nhưng hàng năm vẫn đi cấy thuê cho người khác nhưng không được thu hoạch thì người này cũng không được tính là làm ruộng.
- Trường hợp 3, đi thuê ruộng đất của người khác về cấy cây rồi trả tiền theo hợp đồng, trường hợp này được tính là làm ruộng.

Ăn lương (2):

Là người:

- Làm công ăn lương thuộc tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp của nhà nước, tư nhân hay tổ chức nước ngoài;
- Được trả lương liên tục ít nhất trong 6 tháng qua.

Ví dụ: giáo viên, bác sĩ, y tá, nhân viên kế toán, kỹ sư...

KD/DV - Kinh doanh/ dịch vụ/ thủ công (3): Gồm những người làm công việc

- Kinh doanh: Kinh doanh nhỏ mang tính chất gia đình như chủ trang trại, chăn nuôi, làm gạch...
- Dịch vụ: cắt tóc, gội đầu; trông trẻ; sửa chữa xe đạp, xe máy, điện dân dụng, điện tử; vận tải (lái công nông, ô tô); dịch vụ phục vụ ăn uống, Cafe- Karaoke; chiếu phim...
- Thủ công: Quy mô sản xuất thường là hộ gia đình, hợp tác xã; công việc đòi hỏi cần sự cần cù, khéo tay, có mắt thẩm mỹ. Ví dụ: khâu nón, làm lưới, đan túi, làm đồ gốm, làm đồ trang sức...
- Buôn bán: Thông thường là trao đổi hàng hoá và tiền mặt như tiểu thương, hiệu thuốc, vật liệu xây dựng...

Làm thuê/ nghề tự do (4):

Là những người công việc không ổn định, không thuộc một cơ quan đơn vị nào, được trả tiền công theo hợp đồng công việc cụ thể.

Nội trợ (5):

Gồm những người làm công việc nội trợ như nấu ăn, giặt dũ, trông trẻ...cho chính gia đình mình.

Hưu trí (6):

thường là người trên 60 tuổi đối với nam, 55 tuổi đối với nữ, đã nghỉ làm việc và có lương hưu hàng tháng, một số trường hợp nghỉ mất sức sớm hơn tuổi qui định của nhà nước thì vẫn tính là Hưu trí.

Già (7):

Là những người trên 60 tuổi đối với nam, 55 tuổi đối với nữ không tham gia lao động và không có lương hưu

Học sinh/sinh viên (8):

Là những người đang đi học từ các bậc học phổ thông, học nghề, cho đến đại học.

Thất nghiệp (9):

Không có việc làm cụ thể kéo dài trên 1 tháng trong vòng 6 tháng gần đây.

Còn nhỏ (10):

Đối với trẻ em dưới 6 tuổi, chưa đi học.

Khác (99):

Tất cả các loại nghề nghiệp không thể phân loại theo các nghề được kể ở trên như doanh nghiệp, tình nguyện viên....

**Lưu ý:** ĐTV đánh theo mã nghề nghiệp đã được mã hoá. Nếu nghề nghiệp của một thành viên nào đó trong hộ không có trong số những nghề đã được nêu trong Trang thông tin thì ĐTV đánh vào phần khác (99)

**B9: Tình trạng sinh lý phụ nữ**

ĐTV chỉ hỏi nếu đối tượng là phụ nữ ở độ tuổi sinh đẻ (15 đến 49 tuổi). Nếu có thai thì ghi 1, nếu đang cho con bú thì ghi là 2. Các trường hợp khác kể cả nam giới thì ghi 0 (Bình thường) hoặc bỏ trống.

**Chú ý:** Có hỏi tình trạng sinh lý đối với khách đến gia đình ăn cơm nếu là nữ 15-49.

**B10: Uống rượu bia**

ĐTV hỏi: "Anh/chị có uống rượu hay bia không?". Sau đó tùy theo câu trả lời để hỏi tiếp.

ĐTV hỏi mức độ uống rượu bia trong vòng sáu tháng qua. Nếu đối tượng không uống rượu bia trong vòng 6 tháng qua /hoặc chưa từng uống ghi mã 8 /hoặc uống trên 1 lần một tháng.

**B11: Hút thuốc lá, lào (>1năm)**

ĐTV hỏi: "Anh/ chị [Tên thành viên] đã từng hoặc đang hút thuốc lá trong thời gian liên tục ít nhất là 1 năm chưa?".

Nếu không hoặc không bao giờ hút liên tục tròn 12 tháng liên tục thì điền số 3 vào ô trên và số 0 vào ô dưới.

Nếu ít nhất có 1 lần hút liên tục trong 12 tháng thì hỏi tiếp "Hiện tại anh/chị còn hút thuốc không?"

Nếu hiện vẫn đang hút hoặc mới bỏ thuốc không quá 1 năm thì ghi 1 vào ô trên và hỏi tiếp "Hiện tại trung bình mỗi ngày anh chị hút bao nhiêu điếu kể cả ngày không hút?"

Nếu bằng hoặc trên một năm thì ghi số 2 vào ô trên và hỏi tiếp "Lúc anh/chị đang hút thì trung bình mỗi ngày anh chị hút bao nhiêu điếu kể cả ngày không hút?".

Ví dụ:

<b>11. Hút thuốc lá, Lào</b> (>1năm)			
Đang hút=1; đã từng hút=2; không hút/ hút dưới 1 năm=3	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
<u>Nếu hút</u> : Số điếu/số vê trung bình một ngày	15	20	0

### **B12: Cân nặng**

Cân theo Hướng dẫn kỹ thuật cân đo. Ghi lại kết quả từ ĐTV đo nhân trắc. Nếu đối tượng đi vắng thì ghi số 99.9; nếu đối tượng là khách hoặc thành viên gia đình không thể cân được vì các lý do khác nhau thì ghi số 88.8. Các giá trị đo được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

#### **Chú ý khi cân trẻ:**

Khi cân đo trẻ nên cần có sự trợ giúp của bà mẹ. Trước khi cân nhất thiết rằng phải cởi bỏ hết quần áo, giày, tất và bím của trẻ. Trong trường hợp không thể cởi được thì phải ước lượng quần áo mà trẻ mặc trong khi kiểm tra, kể cả quần áo lót, tất, mũ đội, găng tất...theo đơn vị quần áo tương đương:

ĐTV phải biết cách dỗ dành để làm cho trẻ khỏi quấy khóc. Các thao tác cân đo cần dứt khoát nhưng cũng phải thật nhẹ nhàng để tạo sự tin cậy cho bà mẹ và cho trẻ. Không bao giờ được để trẻ một mình trên cân hoặc thước.

Trong trường hợp bà mẹ còn phân vân không muốn cân trẻ thì ĐTV cần giải thích từng bước sẽ tiến hành cân để bà mẹ hiểu và tin tưởng. Đôi khi trẻ có phản ứng quyết liệt thì ĐTV phải quyết định có tiếp tục cân hoặc đo cao/ dài của trẻ để tránh căng thẳng với bà mẹ. Không cân đo nếu bà mẹ dứt khoát không đồng ý cho cân trẻ hoặc trẻ đang đau ốm.

#### **Cách ước lượng số lượng quần áo đang mặc:**

ĐTV yêu cầu cởi các đồ mặc nặng trên người như áo bông, áo vét, áo gió, giày dép và mũ trước khi cân. Sau khi cân, ĐTV quan sát và tính tổng số đồ mặc dựa theo loại quần áo dưới đây

Đơn vị quần áo tương đương của đối tượng cân

Đồ mặc trên người	Mức độ mặc quần áo
Tã lót/ áo lót/ quần lót/ tất/ găng	1 (Ít/ tối thiểu)
Quần dài vải thường/ quần sóc jean/ áo len/ mũ len	2 (Trung bình)
Quần jean/ áo jean	3 (Nhiều)
Quần áo dân tộc	4 (Dân tộc)

Chú ý: Tại mỗi cụm điều tra thì ĐT sẽ phải cân và lấy giá trị của quần áo trung bình theo mức độ và nhóm tuổi, đặc biệt ở trang phục một số dân tộc miền núi và phong tục đeo vòng hay kiềng của trẻ em.

### ***B13: Chiều cao***

Cân theo Hướng dẫn kỹ thuật cân đo. Ghi lại kết quả từ ĐTV đo nhân trắc. Nếu đối tượng đi vắng thì ghi số -9; nếu đối tượng là khách hoặc thành viên gia đình không thể cân được vì các lý do khác nhau thì ghi số -8. Các giá trị đo được làm tròn đến 1 chữ số thập phân. Nếu chiều cao hoặc chiều dài nhỏ hơn 100 cm thì viết thêm số không ở đầu. Ví dụ: trẻ cao 86,5 cm, ghi vào phiếu là 086,5 cm.

#### **Chú ý khi đo trẻ:**

Đo chiều dài nằm nếu trẻ dưới 24 tháng tuổi. Đo chiều cao đứng nếu trẻ trên 24 tháng tuổi. Nếu trẻ đo nằm thì ghi số 2 ở ô dưới ô chiều cao, còn lại đo đứng thì ghi số 1.

### ***B14: Đối tượng***

Kiểm tra lại sau khi kết thúc phần hỏi thông tin cá nhân. Đánh dấu chữ viết tắt "TE" nếu trẻ dưới 5 tuổi (dưới 60 tháng) dựa vào ngày sinh của trẻ. Ví dụ: Ngày điều tra là 15/08/2009 thì tất cả trẻ sinh sau ngày 15/08/2004 được tính là trẻ dưới 5 tuổi.

Nếu ngày sinh của trẻ được tính theo lịch âm vào thời điểm sát từ tháng 4 cho đến tháng 10 năm Giáp Thân (2004) thì dựa theo bảng BK09 để chuyển đổi sang dương lịch, sau đó xác định xem có phải là trẻ dưới 5 tuổi hay không.

Đánh dấu chữ viết tắt "BM" ở thành viên hộ tương ứng nếu là bà mẹ có con dưới 5 tuổi.

**Ghi chú:**

Ngoài ra, trong các trường hợp đặc biệt liên quan đến thành viên của các hộ gia đình thì có thể ghi bổ sung. Ví dụ: Người bị tàn tật không thể đo được chiều cao, trẻ đang bú mẹ...

Sau khi đã kết thúc thu thập thông tin của các thành viên trong hộ, giới thiệu các phần còn lại cần phỏng vấn và hỏi để xác định các đối tượng dự kiến sẽ trả lời các phần khác nhau của bộ phiếu. Trong từng phần từ C đến H, thành viên nào được xác định sẽ trả lời của phần đó thì sẽ phải đánh dấu **X** vào cột tương ứng với tên của thành viên đó. Sau đây là các khả năng chọn đối tượng trả lời phỏng vấn phiếu hộ gia đình.

Mục trong câu hỏi	Trả lời phỏng vấn:
<b>B, C</b>	Bất cứ người trưởng thành nào, tốt nhất là chủ hộ hoặc người quyết định chính của hộ
<b>D,E và KP Khẩu phần hộ, trẻ</b>	Bất cứ người trưởng thành nào, tốt nhất là người quyết định chính của hộ hoặc người nội trợ
<b>F</b>	Bất cứ người trưởng thành nào, tốt nhất là người quyết định chính của hộ hoặc người nội trợ
<b>G, H</b>	Bà mẹ hoặc người chăm sóc trẻ

**4. PHẦN C: ĐIỀU KIỆN NHÀ Ở VÀ MÔI TRƯỜNG:****Mục đích:**

Trong phần C này, ĐTV sẽ phải hỏi các thông tin chung của hộ.

Bất cứ người lớn nào trong hộ đều có thể tham gia trả lời các câu hỏi này. Tuy nhiên, chỉ ghi STT của người trả lời chính trong đầu mục phần C.

**C1. Vật liệu chính làm nền nhà (quan sát phối hợp với giám sát)**

ĐTV quan sát phối hợp với phỏng vấn và khoanh tròn của câu trả lời thích hợp. Nếu hộ có nhiều hơn 1 căn nhà thì hỏi và quan sát căn nhà chính nơi phần lớn thành viên hộ gia đình thường ngủ tại đó.

Khoanh tròn vào số 9 nếu nền nhà không thuộc các loại đưa ra và ghi rõ đó là loại nền gì.

Chú ý: Trường hợp ĐTV đến điều tra và thấy nhà của gia đình đó đang làm dở, ĐTV hỏi xem họ đang dự định làm gì, lát nền loại gì sau đó khoanh vào số tương ứng, nhưng ĐTV phải ghi chú thích rõ ở bên cạnh là nhà đang làm dở.

### **C2. Vật liệu chính để làm mái nhà (phỏng vấn và quan sát)**

ĐTV quan sát phối hợp với phỏng vấn và khoanh tròn của câu trả lời thích hợp. Nếu hộ có nhiều hơn 1 căn nhà thì hỏi và quan sát căn nhà chính nơi phần lớn thành viên hộ gia đình thường ngủ tại đó.

Khoanh tròn vào số 9 nếu mái nhà không thuộc các loại đưa ra và ghi rõ đó là loại mái gì.

Chú ý: Trường hợp ĐTV đến điều tra và thấy nhà của gia đình đó đang làm dở, ĐTV hỏi xem họ đang dự định làm gì, mái nhà loại gì sau đó khoanh vào số tương ứng, nhưng ĐTV phải ghi chú thích rõ ở bên cạnh là nhà đang làm dở.

### **C3. Vật liệu chính để làm tường nhà (phỏng vấn và quan sát)**

ĐTV quan sát phối hợp với phỏng vấn và khoanh tròn của câu trả lời thích hợp.

Khoanh tròn vào số 9 nếu tường nhà không thuộc các loại đưa ra và ghi rõ đó là loại tường gì. Nếu hộ có nhiều hơn 1 căn nhà thì hỏi và quan sát căn nhà chính nơi phần lớn thành viên hộ gia đình thường ngủ tại đó.

Chú ý: Trường hợp ĐTV đến điều tra và thấy nhà của gia đình đó đang làm dở, ĐTV hỏi xem họ đang dự định làm gì, xây tường bằng loại vật liệu gì, sau đó khoanh vào số tương ứng, nhưng ĐTV phải ghi chú thích rõ ở bên cạnh là nhà đang làm dở.

### **C4. Tổng diện tích để ở (diện tích sử dụng)**

Là tổng diện tích bằng m<sup>2</sup> của các các phòng dùng để ăn, ngủ, tiếp khách, đọc sách/ học tập, tập thể thao.

Diện tích để ở gồm cả diện tích nhà ở và diện tích coi nói thêm có mái che và tường/ vách ngăn kín đáo, chắc chắn. Riêng đối với nhà/ căn hộ khép kín còn tính cả diện tích phòng vệ sinh, phòng tắm, phòng nấu ăn.

Nếu nhà có gác xép dùng để ở thì tính 50% diện tích. Không tính phần diện tích gác xép chuyên dùng để chứa đồ đạc, dụng cụ gia đình.

Chú ý: Mỗi phòng ở, gác xép, phòng vệ sinh, phòng tắm, phòng ăn phải thỏa mãn điều kiện có bức tường bao quanh cao ít nhất 2 m và có diện tích sàn tối thiểu là 4



m2. Không tính diện tích của hầm chứa, diện tích chuyên dùng cho chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh và diện tích sử dụng chung giữa các nhà.

**C5. Gia đình ta hiện có nhà tắm không (phòng vệ sinh và quan sát)?**

ĐTV kết hợp hỏi và quan sát.

Bất kỳ chỗ nào cố định dùng để tắm và có che chắn xung quanh đều được gọi là nhà (buồng) tắm.

**C6. Gia đình ta hiện đang sử dụng loại cầu tiêu gì (kể cả dùng chung với hộ khác)?**

Mục đích của câu hỏi này nhằm đánh giá mức độ vệ sinh của nhà xí (cầu tiêu) mà các thành viên của gia đình sử dụng.

Câu này chỉ khoanh tròn vào mã số tương ứng. Nếu gia đình có 2 loại cầu tiêu, ĐTV hỏi và khoanh tròn vào mã số loại cầu tiêu hay được dùng nhất.

Nhà tiêu một ngăn (1) là loại nhà tiêu có 1 ngăn, có nắp đậy kín phần trên chỉ có một ô tròn hoặc vuông nhỏ đủ để “đại tiện” vào đó, có nắp đậy riêng cho ô nhỏ này, nước tiểu được dẫn vào một bể hoặc thùng chứa riêng không cùng với ngăn chứa phân (loại nhà tiêu này không được BHYT coi là nhà tiêu hợp vệ sinh).

Nhà tiêu 2 ngăn (2) ủ phân tại chỗ là loại có 2 ngăn và dùng một bên và một bên ủ kín (chi tiết về tiêu chuẩn xây dựng và sử dụng xem QĐ 08 phía dưới của BHYT).

Nhà tiêu tự hoại (3) là loại nhà tiêu có dùng nước để thải phân qua đường ống xuống bể phốt (chi tiết về tiêu chuẩn xây dựng và sử dụng xem QĐ 08 phía dưới của BHYT).

Nhà tiêu thấm dột nước (4) là loại nhà tiêu dột nước có 1 bể và thấm trực tiếp vào lòng đất (chi tiết về tiêu chuẩn xây dựng và sử dụng xem QĐ 08 phía dưới của BHYT).

Nhà tiêu chìm có ống thông hơi (5) là nhà tiêu có hố chứa phân là hố đào và mặt trên đổ bê tông để mỗi khi hố phân đầy thì lấp đất phủ và di chuyển tấm bê tông ra một hố đào mới (chi tiết về tiêu chuẩn xây dựng và sử dụng xem QĐ 08 phía dưới của BHYT).

Bể biô ga (6) là loại nhà tiêu có hầm xử lý phân người, phân gia súc, rác hữu cơ và nước thải tạo ra gas để thay điện và chất đốt. Loại nhà tiêu này do ngành nông nghiệp giới thiệu và phổ biến xây dựng tại các HGD nông thôn (khi quan sát thấy sử dụng tốt có thể đánh giá là hợp vệ sinh)

Nhà tiêu bán tự hoại (7) là loại nhà tiêu giống nhà tiêu tự hoại nhưng bể phốt chỉ có 2 ngăn thay vì 3 ngăn của nhà tiêu tự hoại (loại nhà tiêu này không được BHYT coi là nhà tiêu hợp vệ sinh)

Nhà tiêu cầu (8) là loại có 1 ngăn, phía trên bắc ván gỗ, hoặc tre, nứa để ngồi (loại nhà tiêu này không được BHYT coi là nhà tiêu hợp vệ sinh).

Cầu tiêu dột có ống thoát (8) là loại cầu tiêu dột nước và phân tiêu được dẫn theo ống thẳng ra bể chứa không được xử lý ngoài (hoặc chum vại, cống, ao hồ) (loại nhà tiêu này không được BHYT coi là nhà tiêu hợp vệ sinh).

Cầu tiêu mèo (9) là loại cầu tiêu đi ra vườn rồi lấp lại (loại nhà tiêu này không được BHYT coi là nhà tiêu hợp vệ sinh).

Cầu tiêu chung với gia súc (10) là đi đại tiện vào chuồng gia súc (loại nhà tiêu này không được BHYT coi là nhà tiêu hợp vệ sinh).

Không có cầu tiêu (0) là phải đi ra đồng/vườn, biển, sông, ao, mương.

**C7. Điều tra viên quan sát và đánh giá xem nhà có hợp vệ sinh không dựa theo quyết định 08 của bộ y tế.**

**TIÊU CHUẨN VỆ SINH ĐỐI VỚI CÁC LOẠI NHÀ TIÊU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

**. Giải thích từ ngữ.**

Nhà tiêu quy định trong tiêu chuẩn này bao gồm: nhà tiêu hai ngăn ủ phân tại chỗ, nhà tiêu chìm có ống thông hơi, nhà tiêu thấm dột nước, nhà tiêu tự hoại dùng cho gia đình. Các loại nhà tiêu này được Bộ Y tế quy định là nhà tiêu hợp vệ sinh về mặt kỹ thuật và đảm bảo các yêu cầu sau:

- a) Cô lập được phân người, ngăn không cho phân chưa được xử lý tiếp xúc với người, động vật và côn trùng.
- b) Có khả năng tiêu diệt được tác nhân gây bệnh có trong phân (vi rút, vi khuẩn, đơn bào, trứng giun, sán) và không làm ô nhiễm môi trường xung quanh.

**2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

- a) Các nội dung trong quy định này quy định tình trạng vệ sinh của các nhà tiêu. Các yêu cầu về thiết kế, vật liệu, kích thước, kỹ thuật xây dựng, độ bền và các khía cạnh khác của nhà tiêu tuân theo hướng dẫn của Bộ Y tế.
- b) Quy định này áp dụng để kiểm tra, giám sát, đánh giá và phân loại tình trạng vệ sinh của các loại nhà tiêu có tên trong Quyết định này.

**II. NHÀ TIÊU HAI NGĂN Ủ PHÂN TẠI CHỖ (2)**

**1. Quy định về xây dựng:**

- a) Tường ngăn chứa phân kín, không bị rò rỉ, thấm nước;
- b) Cửa lấy mùn phân được trát kín bằng vật liệu không thấm nước;
- c) Mặt sàn, máng và rãnh dẫn nước tiểu nhẵn, không đọng nước tiểu;
- d) Có nắp đậy hai lỗ tiêu;
- đ) Nhà tiêu được che chắn kín, ngăn được nước mưa;
- e) Ống thông hơi (đối với nhà tiêu hai ngăn có ống thông hơi) có đường kính ít nhất 9 cm; cao hơn mái nhà tiêu ít nhất 40cm và có lưới chắn ruồi.

**2. Quy định về sử dụng và bảo quản:**

- a) Sàn nhà tiêu sạch, không có giấy, rác;
- b) Giấy bẩn bỏ vào lỗ tiêu hoặc cho vào dụng cụ chứa có nắp đậy;
- c) Không có mùi hôi, thối;
- d) Không có ruồi hoặc côn trùng trong nhà tiêu;
- đ) Không sử dụng đồng thời hai ngăn;
- e) Có đủ chất độn và bỏ chất độn vào lỗ tiêu sau mỗi lần đi tiêu;
- g) Không có bọ gậy trong dụng cụ chứa nước (nếu có) và dụng cụ chứa nước tiêu;
- h) Không lấy phân trong ngăn ủ ra trước 6 tháng;
- i) Lỗ tiêu ngăn đang sử dụng luôn được đậy kín, ngăn ủ được trát kín.

**III. NHÀ TIÊU CHÌM CÓ ỐNG THÔNG HƠI (5)****1. Quy định về xây dựng:**

- a) Không xây dựng ở nơi thường bị ngập, úng;
- b) Cách nguồn nước ăn uống, sinh hoạt từ 10m trở lên;
- c) Mặt sàn, máng và rãnh dẫn nước tiểu nhẵn, không đọng nước tiểu;
- d) Miệng hố phân cao hơn mặt đất xung quanh ít nhất 20cm;
- đ) Có nắp đậy lỗ tiêu;
- e) Nhà tiêu được che chắn kín, ngăn được nước mưa;
- g) Ống thông hơi có đường kính ít nhất 9 cm, cao hơn mái nhà tiêu ít nhất 40 cm và có lưới chắn ruồi.

**2. Quy định về sử dụng và bảo quản:**

- a) Sàn nhà tiêu sạch, không có giấy, rác;
- b) Giấy bẩn bỏ vào lỗ tiêu;
- c) Có đủ chất độn và bỏ chất độn vào lỗ tiêu sau mỗi lần đi tiêu;
- d) Không có mùi hôi, thối;
- đ) Không có ruồi hoặc côn trùng trong nhà tiêu;
- e) Không có bọ gậy trong dụng cụ chứa nước tiểu;
- g) Lỗ tiêu thường xuyên được đậy kín.

**IV. NHÀ TIÊU THẨM DỘI NƯỚC (4)****1. Quy định về xây dựng:**

- a) Không xây dựng ở nơi thường bị ngập, úng;
- b) Cách nguồn nước ăn uống, sinh hoạt từ 10m trở lên;
- c) Bể chứa phân không bị lún, sụt, thành bể cao hơn mặt đất ít nhất 20cm;
- d) Nắp bể chứa phân được trát kín, không bị rạn nứt;
- đ) Mặt sàn nhà tiêu nhẵn phẳng và không đọng nước;
- e) Bệ xí có nút nước;
- g) Nước từ bể chứa phân hoặc đường dẫn phân không thấm, tràn ra mặt đất.

**2. Quy định về sử dụng và bảo quản:**

- a) Có đủ nước dội, dụng cụ chứa nước dội không có bọ gậy;

- b) Không có mùi hôi, thối;
- c) Sàn nhà tiêu sạch, không có rêu tron, giấy, rác;
- d) Giấy vệ sinh bỏ vào lỗ tiêu (nếu là giấy tự tiêu) hoặc bỏ vào dụng cụ chứa giấy bẩn có nắp đậy;
- đ) Không có ruồi hoặc côn trùng trong nhà tiêu;
- e) Bệ xí sạch, không dính, đọng phân;
- g) Nhà tiêu được che chắn kín, ngăn được nước mưa.

#### V. NHÀ TIÊU TỰ HOẠI (3)

##### 1. Quy định về xây dựng:

- a) Bể xử lý gồm 3 ngăn;
- b) Bể chứa phân không bị lún, sụt;
- c) Nắp bể chứa phân được trát kín, không bị rạn nứt;
- d) Mặt sàn nhà tiêu nhẵn phẳng và không đọng nước;
- đ) Bệ xí có nút nước;
- e) Có ống thông hơi.

##### 2. Quy định về sử dụng và bảo quản:

- a) Có đủ nước dội, dụng cụ chứa nước dội không có bọt gậy;
- b) Không có mùi hôi, thối;
- c) Nước từ bể xử lý chảy vào cống hoặc hố thấm, không chảy tự do ra xung quanh;
- d) Sàn nhà tiêu sạch, không có rêu tron, giấy, rác;
- đ) Giấy vệ sinh bỏ vào lỗ tiêu (nếu là giấy tự tiêu) hoặc bỏ vào dụng cụ chứa giấy bẩn có nắp đậy;
- e) Không có ruồi hoặc côn trùng trong nhà tiêu;
- g) Bệ xí sạch, không dính, đọng phân;
- h) Nhà tiêu được che chắn kín, ngăn được nước mưa.

#### C8. Gia đình ta sử dụng nguồn nước chính nào cho ăn uống? (chỉ chọn một)

Câu hỏi này chỉ hỏi về nguồn nước chính để nấu ăn và đun nước uống. Một gia đình có thể dùng một hay nhiều nguồn nước, trong trường hợp dùng nhiều nguồn nước cho ăn uống thì chọn nguồn nước nào được sử dụng nhiều nhất.

Nếu sử dụng nguồn nước khác ĐTV điều tra viên khoanh tròn vào ô số 9 và ghi rõ đó là loại nước gì.

#### C9. Dụng cụ sử dụng để chứa nước ăn

ĐTV hỏi, quan sát và đánh dấu X vào ô tương ứng.

#### C10. Gia đình ta thường dùng nguồn năng lượng đun nấu nào? (Cho phép nhiều lựa chọn)

Câu hỏi này hỏi tất cả các nguồn nhiên liệu chính để nấu ăn và đun nước uống. Một gia đình có thể thường dùng một hay nhiều loại.

Nếu sử dụng loại nhiên liệu khác thì ĐTV điều tra viên đánh dấu X vào ô số 9 và ghi rõ đó là loại nhiên liệu gì.

**C11. Gia đình có điện lưới để dùng trong sinh hoạt không?**

Điện lưới là điện được cung cấp từ mạng lưới chung theo khu vực do nhà nước quản lý. (Không tính máy phát điện, thủy điện, điện mặt trời, phong điện cá nhân, bình ắc quy...).

**C12. Gia đình anh chị có [ ... ] không?**

Câu hỏi này ĐTV phải kết hợp giữa quan sát và hỏi. Khi hỏi thì hỏi lần lượt từng loại một từ 1 cho đến 19. Những tài sản này phải là tài sản của gia đình và đang còn sử dụng được, không tính tài sản mượn. Chú ý chỉ đánh dấu X vào ô vuông tương ứng nếu có tài sản đó chứ không phải ghi số lượng hiện có.

**C13. Gia đình có vườn rau ở gần nhà không? (Phỏng vấn và quan sát)**

Tất cả các loại hình trồng trọt tạo ra rau, củ, quả để sử dụng (ví dụ: vườn rau, giàn mướp, thủy canh...). Vườn rau gần nhà được xác định nếu ở cạnh nhà có thể quan sát được.

Câu hỏi này ĐTV phải kết hợp giữa hỏi và quan sát.

**C14. Gia đình có ao thả cá không? (Phỏng vấn và quan sát)**

Câu hỏi này ĐTV phải kết hợp giữa hỏi và quan sát.

**C15. Trong 4 tuần qua gia đình có sử dụng phân tươi để nuôi cá, trồng trọt không?**

Phân tươi là phân do động vật hoặc người thải ra chưa qua xử lý.

Câu hỏi này ĐTV phải kết hợp giữa hỏi và quan sát.

**C16. Hàng năm nhà anh chị có bị lũ lụt hoặc hạn hán làm ảnh hưởng không?**

ĐTV khoanh tròn và các mã số tương ứng.

Một số định nghĩa:

- **Lũ lụt:** là hiện tượng khi một vùng bình thường khô nay bị ngập nước do những sự cố thiên tai như mưa lớn kéo dài gây ngập úng, bão lớn, Áp thấp nhiệt đới, triều cường, sóng thần, băng tuyết tan đột ngột số lượng lớn hay do sự cố của các đập chắn nước gây ảnh hưởng trực tiếp tới một vùng dân cư lân cận.
- **Hạn hán:** Là hiện tượng thời tiết khô không bình thường ở một khu vực trong thời gian dài, không có mưa hoặc lượng mưa không đáng kể. (có nhiều định nghĩa về hạn hán như: Hạn hán Nông nghiệp, Hạn hán Thủy

văn..). Nhưng hạn hán ở đây là mức dự trữ nước, thời gian thiếu nước sử dụng cho ăn uống, sinh hoạt của người dân trong khu vực.

***C16a. Lũ lụt hoặc hạn hán có làm ảnh hưởng đến nguồn nước ăn không?***

Hạn hán có thể dẫn đến nguồn nước ăn chính bị cạn kiệt và gia đình phải tìm nguồn nước ăn khác để thay thế.

Lũ lụt có thể dẫn đến nguồn nước ăn bị nhiễm bẩn hơn so với bình thường khi chưa bị lũ lụt.

***C16b. Nếu có thì gia đình dùng nguồn nước nào để sử dụng cho ăn uống trong khi bị lũ lụt hoặc hạn hán***

Câu hỏi này chỉ hỏi về nguồn nước để nấu ăn và đun nước uống trong thời gian lũ lụt hoặc hạn hán. Một gia đình có thể dùng một hay nhiều nguồn nước.

Nếu sử dụng nguồn nước khác ĐTV điều tra viên khoanh tròn vào ô số 9 và ghi rõ đó là loại nước gì.

***C16c. Nguồn nước đó được xử lý bằng phương pháp gì trước khi ăn uống (Cho phép chọn nhiều)***

Nước ăn có thể được gia đình hoặc không phải gia đình (chính quyền địa phương, dịch vụ...) xử lý trước khi sử dụng cho chế biến nấu ăn hoặc uống. Ngoài các phương pháp xử lý thông thường thì phương pháp xử lý bằng nước là tương đối mới được sử dụng gần đây. Để ngoài nắng (phương pháp SODIS) là phương pháp cho nước vào các vật chứa phơi ngoài nắng trong thời gian tối thiểu từ 6-9 tiếng. Sau khi phơi thì vi khuẩn, virus bị tiêu diệt đến 99%, động vật đơn bào, ký sinh trùng bị tiêu diệt đến 95%.

## 5. PHẦN D: KINH TẾ HỘ GIA ĐÌNH

***D1. Thu nhập trung bình tháng của cả hộ gia đình trong năm vừa qua? (sau khi đã hoàn vốn đầu tư nếu có) (Nếu thu nhập dưới dạng khác, quy đổi sang tiền đồng Việt nam)***

Là số tiền ước tính mà gia đình thu được hàng tháng từ tất cả các nguồn. Nếu gia đình phải đầu tư (mua vật liệu sản xuất, con giống, thức ăn, phân bón, thuế các loại...) thì tổng thu nhập phải được hiệu chỉnh lại so với số vốn đã phải bỏ ra. Các nguồn khác như tiền của người nhà đi làm xa gửi về, trúng số số, thưởng, đền bù.. cũng được tính vào.

**D2. Chi tiêu của hộ trong tuần vừa qua cho ăn uống (nghìn đồng)?**

Là số tiền ước tính mà gia đình chi tiêu cho ăn uống trong tuần qua. (Không tính các khoản chi đặc biệt như tiếp khách, ma chay, cưới hỏi...). Nếu hộ tự sản xuất thì có thể ghi lại số lượng và đơn giá ngoài thị trường rồi tính quy đổi thành tiền. Trường hợp phải mua và có nhiều loại thực phẩm khác nhau thì có thể tính trực tiếp rồi ghi lại số tiền vào mục thành tiền.

**6. PHẦN E: AN NINH LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM****E1. Gia đình anh chị thường ăn các loại lương thực nào là chính trong năm qua?**

ĐTV chỉ khoanh tròn vào một loại lương thực được dùng nhiều nhất.

**E2. Xin anh/chị nhớ lại trong vòng 12 tháng qua có tháng nào mà gia đình anh chị không đủ LTTP theo nhu cầu của gia đình không?**

ĐTV hỏi và khoanh tròn mã trả lời tương ứng. Nếu có thì hỏi tiếp câu E2a, nếu không thì chuyển sang câu E3.

Định nghĩa: Tháng không đủ LTTP theo nhu cầu của gia đình là thời gian ít nhất một tuần trong tháng đó gia đình không có đủ loại LTTP chính từ mọi nguồn (kể cả mua, đổi) để phục vụ cho nhu cầu cho tất cả các thành viên của gia đình.

**E2a. Nếu có, xin anh/chị cho biết những tháng nào gia đình không có đủ LTTP theo nhu cầu của gia đình? (cho phép nhiều lựa chọn) (Không gợi ý tháng thiếu)**

ĐTV không gợi ý bằng các hỏi từng tháng xem tháng nào thiếu ăn và ghi nhận thời gian bị thiếu ăn. Nếu thời gian thiếu không quá một tháng nhưng lại trải dài qua 2 tháng liền thì hỏi tháng nào có nhiều ngày bị thiếu LTTP hơn.

**E2b. Lương thực thực phẩm thay thế**

ĐTV hỏi và ghi rõ tên của các loại lương thực, thực phẩm thay thế.

**E3. Trong tuần qua, gia đình anh chị dùng hết bao nhiêu dầu ăn?**

ĐTV hỏi và ghi rõ bao nhiêu lít.

**E4. Trong tuần qua, gia đình anh chị dùng hết bao nhiêu mỡ?**

ĐTV hỏi và ghi rõ bao nhiêu gam

**E5. Gia đình anh/chị thường sử dụng các loại gia vị mặn nào dưới đây cho chế biến thức ăn của gia đình không? Nếu có, giá mua 1 kg của chúng?**

ĐTV hỏi lần lượt và đánh dấu X vào ô vuông nếu hộ gia đình có dùng loại gia vị mặn đó. Nếu có sử dụng thì hỏi giá mua vào cho 1 kg muối, bột canh hoặc 1 lít nước mắm, xì dầu, nước tương. Nếu người trả lời không biết/ không nhớ giá thì ghi 99.9.

Chú ý: Nếu là muối có i ốt hoặc bột gia vị mặn/ bột canh có i ốt thì lưu ý ĐTV khẩu phần kiểm tra I ốt bằng KIT thử.

**E6. Xin anh/chị cho biết lý do vì sao không dùng muối hoặc bột canh có muối I ốt?**

ĐTV hỏi lý do và không gợi ý. Sau khi đối tượng trả lời thì đánh dấu chữ X vào các ô tương đương với câu trả lời và hỏi tiếp "còn lý do nào khác nữa không?" cho đến khi không còn lý do nào khác.

## 7. PHẦN F: VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

### Mục đích:

Trong phần F này, ĐTV sẽ phải hỏi các thông tin liên quan đến kiến thức và thực hành VSATTP.

Bất cứ người lớn nào trong hộ đều có thể tham gia trả lời các câu hỏi này. Tuy nhiên, người làm nội trợ sẽ là đối tượng ưu tiên để phỏng vấn.

**F1: Anh/ chị đã bao giờ được xem/nghe/ được tuyên truyền về kiến thức VSATTP chưa?**

Mục đích: Câu hỏi sàng lọc để tìm hiểu nguồn thông tin về VSATTP hỏi trong câu F2.

Xem: chương trình phổ biến kiến thức về VSATTP trên tivi, đọc sách, báo, tờ rơi... về VSATTP

Nghe: các chuyên mục về VSATTP trên đài Đài phát thanh, loa phóng thanh ở địa phương

Tuyên truyền: được cán bộ y tế, cộng tác viên y tế cơ sở, hoặc cơ quan làm việc tổ chức các buổi nói chuyện, hoặc phổ biến kiến thức, các thông báo về chính sách hoặc quy định về ATVSTP



**F2: Nếu đã từng thì nhiều nhất từ nguồn thông tin nào ?**

Mục đích: Xác định nguồn thông tin chính về VSATTP.

Lựa chọn một nguồn thông tin mà hiện tại người được phỏng vấn thích nhất hoặc tiếp cận thường xuyên nhất về kiến thức VSATTP.

**F3: Anh/ chị có biết các nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm là gì không?**

Mục đích: Đánh giá hiểu biết của người dân về nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm.

“Nguyên nhân ngộ độc thực phẩm”: lý do trực tiếp dẫn đến việc bị ngộ độc thực phẩm. Nguyên nhân ở đây muốn nói đến yếu tố gắn với thực phẩm

**F4: Xin anh/chị cho biết một số cách để phòng tránh ngộ độc thực phẩm?**

Mục đích: Đánh giá hiểu biết của người dân về phương pháp phòng chống ngộ độc thực phẩm.

Giữ vệ sinh cá nhân khi chế biến thực phẩm (1): chân tay sạch sẽ, không mắc bệnh truyền nhiễm

Bảo quản riêng thực phẩm sống và và thức ăn chín (2): bao gồm cả việc để riêng biệt thực phẩm tươi sống và thức ăn chín xa nhau trong tủ lạnh; hoặc khi chế biến không để thực phẩm sống và thức ăn chín tiếp xúc với nhau; hoặc thực phẩm sống, chín được để trong các hộp đậy kín riêng biệt

Nấu chín kỹ thức ăn (3) Tránh nấu chưa chín hẳn như thịt còn tái hoặc trứng còn lòng đào.

Nấu chín hoặc bảo quản thức ăn trong tủ lạnh (4) Nhiệt độ phù hợp để bảo quản thực phẩm là dưới 5°C (trong tủ lạnh) hoặc trên 60°C, tức là phải duy trì sao cho thực phẩm từ khi nấu đến khi ăn phải còn nóng hổi.

Sử dụng thực phẩm tươi sống, lành và bổ (5) Rau quả mới thu hoạch, động vật còn sống hoặc vừa mới giết mổ hợp vệ sinh

Nước sạch để chế biến thực phẩm (6) là nguồn nước đảm bảo vệ sinh có thể dùng được cho ăn uống

Chọn kỹ thực phẩm (7) Thực phẩm chế biến an toàn là những thực phẩm được sản xuất công nghiệp, theo quy trình đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh, ví dụ sữa tươi tiệt trùng

Trồng rau sạch để ăn (8) Gia đình giành riêng khu vực trồng các loại rau củ quả không phun thuốc trừ sâu hoặc sau khi đủ thời gian hết tác dụng của thuốc sâu mới thu hoạch sử dụng trong gia đình.

**F5: Gia đình anh/ chị có thói quen ăn thịt, cá dạng tái hoặc nấu chưa chín kỹ không?**

Mục đích: Tìm hiểu thói quen ăn tái hoặc sống có liên quan đến ngộ độc thực phẩm do vi sinh vật.

Thịt, cá được nấu “tái” là được nấu trong thời gian ngắn, có thể vẫn còn nhìn thấy màu đỏ của máu

Thịt, cá nấu chín là được nấu trong thời gian lâu hơn, không còn màu đỏ của máu

**F6: Trong 12 tháng qua, anh/chị có ăn gỏi, tiết canh không?**

Mục đích: Tìm hiểu thói quen ăn trứng sống có thể nhiễm vi sinh vật như Salmonella, Campylobacter từ vỏ trứng.

**F7: Trong 12 tháng qua, anh/chị có ăn trứng sống hay trứng chần không?**

Mục đích: Tìm hiểu thực hành ăn trứng sống có thể nhiễm vi sinh vật như Salmonella, Campylobacter từ vỏ trứng.

Trứng sống: là trứng được đập ra và uống ngay lòng đỏ/lòng trắng hoặc cả hai

Trứng chần: là trứng đập ra, chần qua bằng nước nóng và ăn ngay, ví dụ ăn phở vớt trứng chần

**F8: Anh/chị có sử dụng dao, thớt riêng cho thực phẩm sống và thức ăn chín không?**

Mục đích: Tìm hiểu thói quen dùng chung dụng cụ sơ chế thức ăn chín và sống có liên quan đến sự lây nhiễm chéo các tác nhân gây bệnh.

Dao, thớt riêng cho thực phẩm sống và chín: là sử dụng hai bộ dụng cụ riêng biệt để chế biến thực phẩm sống và thức ăn chín; hoặc dụng cụ sau khi dùng để chế biến thực phẩm sống được rửa sạch bằng nước tẩy rửa thích hợp trước khi dùng để thái, cắt.. thức ăn chín

**F9: Thời gian từ khi anh/ chị chế biến thức ăn xong đến khi ăn là bao lâu?**

Mục đích: Tìm hiểu mức độ thực hành đúng về thời gian an toàn của thực phẩm sau chế biến.

Là khoảng thời gian từ khi thức ăn được nấu xong, để ở ngoài nhiệt độ phòng đến khi ăn

**F10: Thức ăn còn thừa được bảo quản thế nào cho bữa tiếp theo ?**

Mục đích: Tìm hiểu thói quen bảo quản thức ăn thừa để lại có liên quan đến sự phát triển của vi khuẩn gây bệnh.

Thức ăn: chủ yếu muốn nói đến các loại thức ăn chính còn thừa như cơm, rau, thịt, cá, trứng..., không quan tâm đến các loại gia vị như nước chấm, ớt...

Đề ở nhiệt độ phòng: có thể để trong chạn, trên bàn, thức ăn có thể được che đậy hoặc không

**F11: Anh/chị rửa rau, củ, quả như thế nào trước khi chế biến/trước khi ăn?**

Mục đích: Tìm hiểu thực hành rửa rau sạch để phòng ngộ độc thực phẩm do hóa chất hoặc ký sinh trùng.

Rửa bằng nước sạch ít nhất 3 lần: là việc rửa luân chuyển bằng ba chậu nước sạch khác nhau, hoặc sau mỗi lần rửa nước cũ đổ đi thay bằng nước sạch mới

**F12: Gia đình anh/chị rửa các dụng cụ nấu ăn và bát đĩa bằng nước gì?**

Mục đích: Tìm hiểu thực hành rửa rau sạch để phòng ngộ độc thực phẩm do hóa chất hoặc ký sinh trùng.

**F13: Gia đình anh/chị rửa các dụng cụ nấu ăn và bát đĩa bằng nước gì?**

Mục đích: Tìm hiểu thực hành rửa rau sạch để phòng ngộ độc thực phẩm do hóa chất hoặc ký sinh trùng.

**F12: Gia đình Anh/chị cho biết các biểu hiện của ngộ độc thực phẩm? (cho phép nhiều lựa chọn) (không gọi ý)?**

Mục đích: Tìm hiểu thực hành rửa rau sạch để phòng ngộ độc thực phẩm do hóa chất hoặc ký sinh trùng.

**F15: Trong tháng vừa qua gia đình anh/chị có ai bị ngộ độc thực phẩm không?**

Mục đích: Xác định tần suất mắc ngộ độc thực phẩm và sàng lọc hộ gia đình có người bị ngộ độc thực phẩm để tìm hiểu các hành vi xử lý khi có người bị ngộ độc thực phẩm.

Gia đình anh/chị có ai có các biểu hiện của ngộ độc thực phẩm (các biểu hiện như trong câu F14), hoặc được cán bộ y tế/ chính quyền thông báo là bị ngộ độc thực phẩm không?

**F16: Nếu có thì gia đình có thông báo ngay với y tế địa phương không?**

Mục đích: Xác định hành vi thông báo chính quyền khi có người bị ngộ độc thực phẩm liên quan đến số liệu báo cáo ngộ độc thực phẩm.

Gia đình có thông báo với y tế địa phương: trạm xá, bệnh viện, cộng tác viên y tế ngay sau khi phát hiện người nhà hoặc bản thân bị ngộ độc thực phẩm không

**F17: Khi được thông báo, cán bộ chính quyền, y tế đã xử trí như thế nào?**

Mục đích: Xác định hành vi của y tế, chính quyền khi có ca bị ngộ độc thực phẩm.

Trường hợp 1. Cán bộ y tế địa phương có đến.

Trường hợp 2: Là trường hợp y tế địa phương không đến nhưng có thể tư vấn, hướng dẫn cho người nhà bệnh nhân cách xử lý (gây nôn, cho uống thuốc...), hoặc yêu cầu chuyển bệnh nhân đến cơ sở y tế để chữa trị

**F18: Bác sĩ/nhân viên y tế có lấy mẫu phân (thực phẩm thừa, phân, máu, nước tiểu) để xét nghiệm không?**

Mục đích: Xác định hành vi xử lý của y tế, chính quyền khi xảy ra ngộ độc thực phẩm.

Nhân viên y tế có hỏi và lấy: thực phẩm ăn còn thừa (kể cả thực phẩm nghi ngờ), chất thải của bệnh nhân (phân, nước tiểu), máu

**F19: Khi có người bị ngộ độc, anh/chị hoặc người thân trong gia đình xử trí như thế nào? (Cho phép nhiều lựa chọn)**

Mục đích: Xác định hành vi xử lý của gia đình hoặc người thân khi có ca bị ngộ độc thực phẩm.

Chỉ hỏi trong trường hợp đối tượng có người trong gia đình hoặc người thân bị ngộ độc thức ăn. ĐTV đánh dấu tất cả các biện pháp mà gia đình đã thực hiện để cứu chữa người bệnh. Các biện pháp xử lý không có trong danh sách mã trả lời phải được ghi cụ thể sau khi đánh dấu mã 9.

## 8. PHẦN G: TIẾP CẬN SỬ DỤNG DỊCH VỤ Y TẾ

**Mục đích:**

Mục đích của phần G nhằm thu thập các thông tin liên quan đến khả năng tiếp cận của bà mẹ đối với các dịch vụ có liên quan đến chăm sóc bà mẹ, trẻ em trong lĩnh vực dinh dưỡng của y tế cơ sở của địa phương (Trạm y tế, CTV).

**G1: Thời gian để đi từ nhà đến trạm y tế bằng các phương tiện nhanh nhất có sẵn của gia đình**

ĐTV hỏi và ghi rõ đi bằng phương tiện gì nhanh nhất, sẵn có của hộ gia đình dùng để đến hoặc chuyển người bệnh đến trạm y tế địa phương và ước lượng thời gian đến đó tính theo phút.

Trong trường hợp không gia đình không bao giờ đến trạm y tế hoặc quá khó khăn để đến trạm y tế thì ghi phương tiện bằng "không đến" và thời gian là 888.

Trong trường hợp đối tượng không biết thời gian đến thì ghi phương tiện bằng không biết và thời gian cũng là 888.

**G2: Lần tiếp xúc của gia đình với cán bộ của trạm y tế gần đây nhất cách đây bao lâu (số ngày, tháng)**

Khoảng thời gian được tính theo số ngày hoặc tháng tính từ lúc phỏng vấn cho đến lần tiếp xúc gần đây nhất với nhân viên trạm y tế (bất kỳ ở đâu miễn là được tư vấn về SK). Nếu trong vòng 1 tháng thì ghi số ngày, trên 1 tháng thì ghi số tháng. Nếu không bao giờ gặp hoặc trên 9 tháng thì ghi 9 tháng.

**G3: Chị đã bao giờ được hưởng các dịch vụ sau của trạm y tế không? (cho phép nhiều lựa chọn) (hỏi từng mục một)**

Các dịch vụ liên qua đến chăm sóc bà mẹ và trẻ em do nhân viên của trạm y tế hoặc cán bộ ở nơi khác được mời đến thực hiện.

ĐTV hỏi cụ thể từng dịch vụ một để đánh dấu có hay không.

Các loại dịch vụ khác có liên quan đến chăm sóc bà mẹ và trẻ em như khám thai, cân đo trẻ thì cũng được tính vào. Các loại dịch vụ khác không liên quan đến tư vấn dinh dưỡng và chăm sóc bà mẹ hoặc trẻ em như cấp cứu tai nạn, bị chó cắn, tiêm vắc xin... thì sẽ không tính vào các dịch vụ khác.

**G4: Lần tiếp xúc của gia đình với công tác viên dinh dưỡng (CTV) gần đây nhất cách đây bao lâu?**

Khoảng thời gian được tính theo số ngày hoặc tháng tính từ lúc phỏng vấn cho đến lần tiếp xúc gần đây nhất với CTV (bất kỳ ở đâu miễn là được tư vấn về sức khỏe hoặc dinh dưỡng). Nếu trong vòng 1 tháng thì ghi số ngày, trên 1 tháng thì ghi số tháng. Nếu không bao giờ gặp hoặc trên 9 tháng thì ghi 9 tháng.

**G4a: Nếu dưới 1 tháng thì số lần gặp CTV trong tháng qua là:**

Nếu lần gặp cuối với CTV xảy ra trong vòng 1 tháng trước khi phỏng vấn thì hỏi số lần đã bà mẹ đã được tiếp với CTV.

**G4b: Gặp gỡ trong hoàn cảnh nào (cho phép nhiều lựa chọn) (hỏi từng lần gặp một):**

Nếu bà mẹ chỉ được gặp CTV 1 lần thì hỏi hoàn cảnh của cuộc gặp gỡ đó. Nếu bà mẹ gặp gỡ trên một lần thì hỏi lần lượt hoàn cảnh của các cuộc gặp cho từng lần một. Nếu chỉ gặp hai hoặc nhiều lần trong cùng một hoàn cảnh thì cũng chỉ đánh dấu một lần và hoàn cảnh chung của các lần gặp đó.

**G4c: Trong những lần gặp gỡ với đó chị có được CTV tư vấn gì không? (cho phép nhiều lựa chọn) (hỏi từng mục một):**

Hỏi lần lượt từng loại tư vấn của CTV đối với bà mẹ và đánh dấu.

Chú ý, trong mục 9 trả lời khác và ghi rõ chỉ áp dụng cho các dạng dịch vụ mang tính chất tư vấn như hướng dẫn xử dụng biểu đồ tăng trưởng chứ không áp dụng cho các loại dịch vụ khác không mang tính chất tư vấn như chỉ cân đo mà không chấm biểu đồ, không giải thích tư vấn thêm.

## VI CHẤT DINH DƯỠNG

**G5: Tuổi sinh con lần đầu của chị?**

ĐTV hỏi rõ tuổi của bà mẹ khi sinh con lần đầu hoặc khai thác ngày tháng năm sinh của trẻ để tính (hoặc xem thông tin cá nhân) và khai thác tháng mang thai.

**G6: Chị đã từng được nghe về bệnh thiếu máu chưa ?**

ĐTV chỉ cần biết bà mẹ có được nghe nói đến bệnh thiếu máu, hoặc thiếu sắt, hoặc thiếu máu thiếu sắt chưa.

### Định nghĩa:

Thiếu máu là chứng thường gặp trên phụ nữ, trong đó thiếu sắt là một nguyên nhân quan trọng và thường gặp nhất của thiếu máu. Trong thiếu máu, cơ thể thiếu chất sắt để tạo nên huyết sắc tố. Sau một thời gian dài thiếu sắt, thiếu máu sẽ xuất hiện với hồng cầu nhỏ rồi hồng cầu nhược sắc là thành phần chủ yếu của heme nên khi thiếu sẽ dẫn đến giảm tổng hợp Hemoglobin và làm tăng số lượng phân bào hồng cầu non. Kết quả là sản sinh ra các hồng cầu nhỏ so với lúc đầu là số lượng hồng cầu đếm được bình thường.

**G7: Nếu có, xin cho biết các biểu hiện của người bị bệnh thiếu máu (cho phép nhiều lựa chọn) (không gọi ý)**

ĐTV chỉ hỏi và không gọi ý. Sau mỗi câu trả lời của bà mẹ, ĐTV đánh dấu vào đáp án tương ứng sau đó hỏi tiếp "còn những triệu chứng gì khác nữa?"

**G8: Nếu có, xin cho biết các cách phòng và điều trị bệnh thiếu máu (cho phép nhiều lựa chọn) (không gợi ý)**

ĐTV chỉ hỏi và không gợi ý. Sau mỗi câu trả lời của bà mẹ, ĐTV đánh dấu vào đáp án tương ứng sau đó hỏi tiếp "còn cách điều trị nào khác nữa?"

**Định nghĩa:**

Viên sắt: axit folic hoặc sắt gluconat

Các loại thực phẩm có bổ xung sắt: nước mắm bổ xung sắt như của công ty Thanh Hương (Thanh Hóa), Cát Bà (Hải Phòng)...

Thuốc lá, cây cỏ: theo dân gian được coi là loại thực phẩm/ thuốc có tác dụng bổ máu như linh long thảo, hoa tam cúc, viễn chi, hà thủ ô, tam thất, rau cần, rau cần tây, bạc hà...

**G9: Chị có được nghe/ xem/ thấy các thông tin về viên sắt hay không?**

ĐTV hỏi bà mẹ có được biết các thông tin về viên sắt không.

**G10: Nếu có, chị nghe/ xem/ thấy thông tin đó từ đâu? (cho phép nhiều lựa chọn) (hỏi từng lựa chọn một)**

ĐTV hỏi lần lượt từng mục một. Ví dụ: "Chị có được **xem** các thông tin về sắt từ sách báo không? Chị có được **xem** các thông tin về sắt từ TV không? Chị có được **nghe** các thông tin về sắt từ loa đài không?"

**G11: Nếu được biết từ các cơ sở y tế hoặc địa điểm công cộng thì được biết thông qua những hình thức nào? (cho phép nhiều lựa chọn) (hỏi từng lựa chọn một)**

ĐTV hỏi lần lượt từng mục một. Ví dụ: "Chị có được **xem** các thông tin về sắt trên áp phích, pano hoặc băng rôn không? Chị có được **xem** các thông tin về sắt từ tranh dán, tranh lật không? Chị có được **nghe** các thông tin về sắt từ loa đài không?"

**G12: Chị có được nghe thông tin về vitamin A không?**

ĐTV hỏi bà mẹ có được biết các thông tin về vitamin A không.

**G13: Nếu có, chị nghe thông tin đó từ đâu? (cho phép nhiều lựa chọn) (hỏi từng lựa chọn một)**

Tương tự như câu G10

**G14: Nếu được biết từ các cơ sở y tế hoặc địa điểm công cộng thì được biết thông qua những hình thức nào? (cho phép nhiều lựa chọn) (hỏi từng lựa chọn một)**

Tương tự như câu G11

**G15: Chị thường rửa tay với xà phòng hoặc nước rửa khi nào?**

Mục đích câu hỏi này để kiểm tra thói quen rửa tay bằng xà phòng của bà mẹ có liên quan đến chăm sóc trẻ nhỏ.

ĐTV đọc lần lượt các khả năng trả lời của bà mẹ và nhấn mạnh vào từ rửa tay bằng xà phòng.

**G16: Sau khi cho trẻ đi vệ sinh, Chị thường xử lý phân của trẻ như thế nào?**

Mục đích câu hỏi này để kiểm tra thói quen xử lý phân của trẻ. ĐTV không gợi ý các câu trả lời.

## 9. PHẦN H: CHĂM SÓC BÀ MẸ TRẺ EM

Phần H sẽ được phỏng vấn đối với tất cả trẻ dưới 5 tuổi của hộ gia đình. Mỗi phiếu H được áp dụng cho một trẻ dưới 5 tuổi. Khi hỏi bà mẹ các câu có [tên\_trẻ] thì ĐTV thay thế phần trong ngoặc bằng tên của trẻ được hỏi.

### CHĂM SÓC THAI SẢN

**H1: Tên và số thứ tự của trẻ dưới 5 tuổi**

ĐTV ghi lại tên và số thứ tự và tính số tháng tuổi của trẻ dưới 5 tuổi từ phần B – thông tin cá nhân.

**H2: ĐTV kiểm tra có phải bà mẹ có con dưới 2 tuổi**

ĐTV kiểm tra số tháng tuổi của trẻ. Nếu trẻ trên 23 tháng và dưới 60 tháng thì bỏ qua phần chăm sóc thai sản, nuôi con bằng sữa mẹ để chuyển sang câu H13

**H3: Nơi sinh của lần chị sinh [tên\_trẻ] ở đâu?.**

ĐTV lưu ý: Nhà hộ sinh thường chỉ có ở thành phố.

**H4: Trong thời gian có thai cháu [tên\_trẻ] chị có được khám thai tại CSYT không?**

Chỉ tính khám thai tại cơ sở y tế và được lưu trong sổ theo dõi.

**H4a: Nếu có, chị được khám thai bao nhiêu lần tại CSYT trước khi sinh cháu [tên trẻ]?**

Chỉ tính khám thai tại cơ sở Y tế và được lưu trong sổ .



**H4b: Nếu có, những ai đã khám thai cho chị? ... còn ai nữa? (cho phép nhiều lựa chọn)(không gọi ý)**

Nếu người khác là bà mẹ, bà đỡ khám thì hỏi lại bà mẹ có lần khám nào không được tiến hành ở các cơ sở y tế.

Thực tế nếu người khám không tiến hành tại các cơ sở y tế thì phải xem lại có phải tất cả các lần khám ở câu H4a được tiến hành tại cơ sở y tế hay không.

**H5: Trong thời gian có thai cháu [tên\_trẻ], chị đã ăn uống thế nào?**

Lưu ý ăn nhiều hơn về số lượng hoặc chất lượng hoặc cả hai.

**H6: Trong thời gian có thai cháu [tên\_trẻ], chị có bị quáng gà không?**

Mục đích câu hỏi này nhằm kiểm tra các vấn đề giảm thị lực của bà mẹ trong quá trình mang thai có liên quan đến thiếu vitamin A.

Nếu ở địa phương có các từ ngữ đặc biệt khác để mô tả hiện tượng quáng gà thì dùng các từ ngữ thường dùng tại địa phương để hỏi.

Nếu bà mẹ không biết khái niệm "quáng gà" thì ĐTV có thể gợi ý làm rõ hơn về biểu hiện của "quáng gà" qua cách nêu hiện tượng như:

- o Từ khi chị biết mình có thai cho đến lúc sinh cháu, có khi nào chị thấy mình không nhìn rõ đồ vật trong nhà lúc chập choạng tối không?
- o Chị không nhìn rõ thức ăn không, hoặc khi đi lại có hay bị vấp vào đồ vật trong nhà không?

**H7: Trong thời gian có thai cháu [tên\_trẻ] chị có uống viên sắt, viên đa vi chất hay thuốc bổ máu không?**

ĐTV có thể đưa ra hoặc nêu tên một số mẫu sản phẩm viên sắt, viên đa vi chất thường có ở địa phương kèm theo các loại thuốc khác để khai thác thông tin.

Nếu bà mẹ nói không được uống/ không biết có uống hay không nhưng lại nhận ra được viên sắt là thuốc thường uống thì đánh dấu là có uống.

Nếu bà mẹ nói là có uống nhưng không tìm thấy viên sắt, viên đa vi chất trong số thuốc cho xem hoặc chỉ sau sang loại thuốc khác thì đánh dấu là không uống.

NUÔI CON BẰNG SỮA MẸ VÀ ĂN BỔ SUNG

**H8:** *Cháu [tên\_trẻ] đã từng được bú mẹ chưa?*

Chỉ hỏi đối với trẻ dưới 2 tuổi. Người cho trẻ bú không cần thiết phải chính là bà mẹ mà có thể là vú cô, vú chị của trẻ.

**H9:** *Sau khi sinh bao lâu thì cho cháu [tên\_trẻ] ngậm bú mẹ (áp miệng trẻ vào đầu vú)?*

Là thời gian được tính từ khi trẻ được sinh ra cho đến khi bà mẹ thử cho trẻ bú lần đầu tiên (kể cả khi vẫn chưa tiết được sữa) bằng cách áp miệng trẻ vào vú mẹ. Nếu thời gian ít hơn 1 giờ thì đánh vào lựa chọn 0. Nếu thời gian dưới 24 giờ thì đánh dấu vào lựa chọn 1 sau đó ghi số giờ làm trong vào 2 ô bên cạnh. Nếu trẻ bắt đầu bú sau một ngày (24 giờ) thì đánh dấu vào lựa chọn 2, sau đó ghi số ngày được bà mẹ trả lời.

**H10:** *Trong ngày và đêm qua cháu [tên\_trẻ] có được bú mẹ lần nào không?*

Mục đích câu này để hỏi xem hiện tại trẻ có đang được bú mẹ không?

Hiện tại trẻ vẫn được tính là bú sữa mẹ (kể cả không phải mẹ đẻ) ít nhất 1 lần trong một ngày

Khái niệm ngày và đêm được thay cho khái niệm 24 giờ trước đây. Thời gian ngày được tính từ lúc thức dậy cho đến trước khi đi ngủ buổi tối. Thời gian đêm được tính từ lúc đi ngủ tối qua đến sáng hôm sau.

**H10a:** *Trong ngày và đêm qua cháu [tên\_trẻ] có được bú từ bình/chai hay không?*

Câu này hỏi xem trẻ có bú sữa từ bình không và có thể được sử dụng đánh giá tỷ lệ bú bình. Phải đảm bảo để bà mẹ hiểu đúng câu hỏi này. Có thể dùng các thuật ngữ địa phương để chỉ bình/lọ sữa là loại bình/ lọ (có núm vú giả bằng cao su hoặc nhựa). Không quan tâm là sữa hay đồ uống khác ở trong bình/lọ sữa. Chỉ cần quan tâm là trẻ đã được uống/bú từ bình/chai.

**H11:** *Chị đã hoặc sẽ cho cháu [tên\_trẻ] bú đến bao nhiêu tháng tuổi?*

Trong thời gian cho bú trẻ phải được bú ít nhất 1 lần trong một ngày và không cần thiết phải chính là bà mẹ của trẻ cho bú. Thời gian ngừng bú là thời điểm khi trẻ không còn được bú mẹ nữa hoặc không được bú hàng ngày ít nhất một lần.

Nếu hiện tại trẻ còn đang bú sữa mẹ thì hỏi "Chị dự kiến đến khi nào sẽ thôi cho trẻ bú?"

**H12: Kể từ khi sinh đến giờ, cháu [tên\_trẻ] đã từng ăn/uống loại thực phẩm nào dưới đây chưa? (cho phép nhiều lựa chọn) (hỏi từng mục một) Nếu có thì từ tháng tuổi nào bắt đầu cho cháu [tên\_trẻ] ăn/uống loại thực phẩm đó?**

Mục đích của câu hỏi này để kiểm tra bắt đầu từ khi nào thì bà mẹ cho trẻ ăn gì và uống gì.

ĐTV đọc lần lượt từng khả năng được liệt kê trong mục lựa chọn để bà mẹ trả lời. Nhắc lại từ đầu câu hỏi cho mỗi khả năng trả lời: “ Kể từ khi sinh đến giờ, cháu [tên\_trẻ] đã từng uống sữa trẻ em không?; Kể từ khi sinh đến giờ, cháu [tên\_trẻ] đã từng ...”

Chú ý sử dụng các thuật ngữ địa phương để chỉ các loại đồ ăn/ uống của trẻ.

Nước có vitamin, khoáng hoặc thuốc bổ (1): là các loại nước đóng lon/ chai/ hộp công nghiệp có bổ xung thêm vitamin hoặc khoáng chất.

Dung dịch ORS (2): là dung dịch Oresol: Là tên viết tắt của tiếng Anh Oral Rehydration Solution (dung dịch uống để bù nước- còn viết là ORS). Uống oresol để bù nước trong trường hợp tiêu chảy, nôn...gây mất nước nghiêm trọng.

Nước lọc, nước đun sôi để nguội (3): là nước đã được tiệt trùng bằng cách đun sôi sau đó để nguội (kể cả ấm hoặc mát). Chú ý nước chỉ lọc qua các thiết bị lọc mà không đun sôi không được tính là nước lọc; nước đóng chai/ nước đóng trai vẫn được tính là nước đun sôi để nguội.

Sữa trẻ em (4): Tất cả các loại sữa (formula) được sản xuất dành riêng cho trẻ như Enfa grow, Abbott, X.O...

Sữa bột, sữa hộp, sữa tươi (5): Tất cả các loại sữa động vật không phải sữa mẹ như sữa bò tươi, sữa đóng hộp, sữa đặc, sữa bột.... Không tính các loại sữa có nguồn gốc thực vật như sữa đậu nành, nước sữa dừa...

Hoa quả hoặc nước quả (6): là nước được lấy trực tiếp từ hoa quả như nước dứa, nước mía hoặc được chiết ra từ hoa quả xay (không có bã).

Nước đường (7): Nước sôi để nguội có đường hòa tan.

Nước có hương vị (7): các loại nước đóng lon/ chai/ hộp công nghiệp như Coca Cola; Coke, Sprit...

Nước súp, ninh hầm (xương, thịt) (8) Nước chắt sau khi ninh xương hoặc thịt thật nhừ để cho trẻ uống

Sữa chua (9): Sữa chua tự ủ hoặc mua về dưới dạng cốc hoặc hộp nhựa.

Nước com, nước cháo (10): là nước chắt ra từ phần ở trên phần com đang đun sôi nhưng chưa cạn hoặc từ phần loãng ở trên của cháo.

Nước sinh tố hoa quả (11): Hoa quả xay trong nước sôi để nguội (có đường hoặc không có đường) bằng máy say sinh tố. Nước và cái lẫn lộn để cho trẻ uống.

Thức ăn dạng rắn hoặc mềm (12): là loại thức ăn nấu từ gạo (com, cháo, phở) phải xúc bằng thìa hoặc gắp bằng đũa.

### CHĂM SÓC TRẺ BỆNH

Mục đích của phần này là để tìm hiểu trẻ có bị ỉa chảy hoặc ho trong hai tuần qua không, từ đó hỏi tiếp cách bà mẹ chăm sóc trẻ khi trẻ bị ỉa chảy hoặc ho.

**H13: Trong hai tuần qua cháu [tên\_trẻ] có bị tiêu chảy (đi ngoài phân lỏng từ 3 lần trở lên trong 1 ngày) không?**

Nếu bà mẹ không hiểu thuật ngữ trong hai tuần qua thì có thể hỏi lại cho rõ bằng câu hỏi tùy theo ngày được tiến hành phỏng vấn. Ví dụ: "Từ [ngày trong tuần, ví dụ Chủ nhật, thứ Hai, thứ Ba ...] của tuần trước nữa cho đến hôm nay cháu có..."

Nếu bà mẹ không hiểu/ không biết chắc ỉa chảy là gì thì giải thích ỉa chảy nghĩa là trẻ bị đi ỉa chảy (phân có nước) ít nhất 3 lần trong một ngày.

**H13a: Nếu bị, cháu [tên\_trẻ] đã được uống những gì trong lần bị tiêu chảy gần đây nhất?**

Mục đích câu hỏi này dùng để tìm hiểu xem trẻ đã được uống những gì khi bị tiêu chảy. ĐTV hỏi lần lượt từng mục một. Ví dụ: "Trẻ có được uống ORS không? Trẻ có được uống dịch tự chế không? Trẻ có được..." và tiếp tục như vậy cho đến hết. Đánh dấu X lần lượt vào từng mục một bà mẹ trả lời là có. Chỉ khi đã hỏi hết mà không có mục nào được gạch thì mới đánh dấu X vào mục không điều trị gì

Định nghĩa:

Oresol (1): Là tên viết tắt của tiếng Anh Oral Rehydration Solution (dung dịch uống để bù nước- còn viết là ORS). Uống oresol để bù nước trong trường hợp tiêu chảy, nôn...gây mất nước nghiêm trọng. Chú ý nếu cho trẻ uống oresol không đúng cách có thể gây nguy hiểm cho trẻ.

Dịch tự chế (2): Là dung dịch tự chế khi không có sẵn ORS. Các loại dịch tự chế bao gồm các loại sau:

1. Nước muối - đường: một thìa con muối, 8 thìa đường trong một lít nước. Có thể vắt thêm 1/2 quả chanh.
2. Nước cháo muối: Gạo 50g, muối ăn 1 thìa, nước 1 lít. Đun nhừ thành cháo.
3. Nước dứa muối: Muối ăn 1 thìa cho 1 lít nước dứa non dùng bù nước như ORS

Thuốc hoặc sirô (3): Thuốc hoặc sirô dùng để chữa tiêu chảy cho trẻ em

Thuốc cổ truyền (4): Các loại thuốc cổ truyền gia đình tự kiếm, xin hoặc mua thầy lang, hiệu thuốc nam, thuốc bắc.

**H13b: Khi cháu [tên\_trẻ] bị tiêu chảy, chị có tiếp tục cho cháu bú mẹ không?**

Mục đích câu hỏi này để hỏi về thói quen cho trẻ bú khi trẻ bị tiêu chảy. Nếu bà mẹ đã ngưng cho con bú thì hỏi về thời gian khi trẻ còn đang bú mẹ, bà có tiếp tục cho trẻ bú không khi trẻ bị tiêu chảy.

**H13c: Trong những lần trẻ bị tiêu chảy chị cho cháu [tên\_trẻ] bú mẹ như thế nào? ít hơn? như bình thường hay nhiều hơn?**

Mục đích câu hỏi này để so sánh mức độ cho trẻ bú khi bị tiêu chảy với lúc trẻ bình thường. ĐTV phải làm cho bà mẹ hiểu rõ là thực tế bà mẹ đã cho trẻ bú như thế nào, ít đi, nhiều hơn hay như bình thường; chú không phải hỏi về quan niệm của bà mẹ về cách cho trẻ bú khi bị tiêu chảy. ĐTV đọc nguyên văn câu hỏi.

Có thể bà mẹ sẽ không ước lượng được trẻ có bú ít, bú nhiều thì gợi ý cho bà mẹ ước lượng dựa trên số lần hoặc tổng thời gian cho trẻ bú trong ngày trẻ bị tiêu chảy so với những ngày bình thường.

**H13d: Trong những lần trẻ bị tiêu chảy chị cho cháu [tên\_trẻ] uống nước như thế nào? ít hơn? như bình thường hay nhiều hơn??**

Tương tự như câu hỏi H16, câu hỏi này dùng để tìm hiểu thói quen cho trẻ uống nước khi bị tiêu chảy chú không phải hiểu biết của bà mẹ. ĐTV đọc chính xác câu hỏi in ở trong phiếu,

**H14: Nếu cháu [tên\_trẻ] bị tiêu chảy chị thường hỏi ai cách chữa, điều trị cho cháu? ... còn ai hay bằng cách nào nữa? (cho phép nhiều lựa chọn) (Không gợi ý)**

Mục đích của câu hỏi này để tìm hiểu xem bà mẹ tìm ai, cách nào để chạy chữa tiêu chảy cho trẻ. Bất cứ ai mà bà mẹ tìm để hỏi hoặc mời về nhà như bác sỹ, hàng xóm, thầy lang, thầy cúng hoặc bất cứ việc gì mà theo bà mẹ sẽ giúp trẻ khỏi bệnh như tự đi mua thuốc, cúng bái... ĐTV không được gợi ý và phải gạt hỏi thêm "còn ai nữa, bằng cách nào nữa" rồi ghi lại các ý trẻ lời của bà mẹ cho đến khi bà mẹ trả lời "Không còn ai nữa".

☆ Nếu tại thời điểm điều tra mà trẻ vẫn còn bị tiêu chảy và vẫn chưa khám điều trị đâu thì cấp cho bà mẹ một ít gói oresol, hướng dẫn các sử dụng và tư vấn cho bà mẹ nơi có thể đưa trẻ đi khám chữa bệnh.

**H15:** *Cháu [tên\_trẻ] có bị ho trong 2 tuần vừa qua không?*

Trẻ phải ho tương đối nhiều lần liên tục. Nếu trẻ ho trước hai tuần nhưng vẫn còn tiếp tục ho cho đến thời gian trong hai tuần qua thì vẫn được chấp nhận.

**H15a:** *Nếu có, khi cháu bị ho, chị có cho cháu bú mẹ không*

Mục đích câu hỏi này để hỏi về thói quen cho trẻ bú khi trẻ bị ho hoặc sốt.

**H15b:** *Trong lần trẻ bị ho này chị cho cháu [tên\_trẻ] bú mẹ như thế nào? ít hơn? như bình thường hay nhiều hơn??*

Tương tự như câu 13b, mục đích câu hỏi này để so sánh mức độ cho trẻ bú khi bị ho với lúc trẻ bình thường. ĐTV phải làm cho bà mẹ hiểu rõ là thực tế bà mẹ đã cho trẻ bú như thế nào, ít đi, nhiều hơn hay như bình thường; chứ không phải hỏi về quan niệm của bà mẹ về cách cho trẻ bú khi bị ho. ĐTV đọc nguyên văn câu hỏi.

Có thể bà mẹ sẽ không ước lượng được trẻ có bú ít, bú nhiều thì gợi ý cho bà mẹ ước lượng dựa trên số lần hoặc tổng thời gian cho trẻ bú trong ngày trẻ bị ho so với những ngày bình thường.

**H15c:** *Sau bao lâu kể từ khi cháu [tên\_trẻ] bị ho thì chị mang cháu đi chữa trị?*

Đôi khi trẻ ốm (ho, sốt) nhưng bà mẹ không lập tức đưa trẻ đến cơ sở y tế. Câu hỏi này chỉ hỏi cứu lại bà mẹ trong những lần mang trẻ đi điều trị của những lần trẻ ho trong hai tuần qua.

☆ Nếu tại thời điểm điều tra mà trẻ vẫn còn ho, chưa khám điều trị đâu thì tư vấn cho bà mẹ nơi có thể đưa trẻ đi khám chữa bệnh.

**H16:** *Nếu cháu [tên\_trẻ] bị ho chị thường hỏi ai cách chữa, điều trị cho cháu?*

Tương tự như câu H14. Sau mỗi câu trả lời của bà mẹ thì ĐTV hỏi xem còn ai hay bằng cách nào nữa.

**H17:** *Trong 6 tháng qua cháu có được tẩy giun lần nào không?*

Mục đích câu hỏi này để kiểm tra xem trẻ có được uống thuốc tẩy giun không.

**H17a: Nếu có, cháu được tẩy giun cách đây bao lâu ?**

Mục đích câu hỏi này để kiểm tra xem tuổi của trẻ tại thời điểm được uống thuốc tẩy giun. Ngược lại, nếu trẻ dưới 2 tuổi đã uống thuốc giun thì cho bà mẹ biết khuyến cáo không nên tẩy giun cho trẻ dưới 2 tuổi.

☆ Nếu trẻ trên 2 tuổi và vẫn chưa tẩy giun bao giờ thì khuyên bà mẹ nên tẩy giun cho trẻ.

### **THEO DÕI TĂNG TRƯỞNG**

**H18: Cháu [tên\_trẻ] có được cân khi mới sinh ra không?**

Nếu trẻ có được cân thì hỏi số cân sơ sinh của trẻ.

**H19: Cháu [tên\_trẻ] có được cân và theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng không??**

Trẻ được cân đo theo từng giai đoạn phát triển và kết quả cân được sử dụng để chấm vào biểu đồ tăng trưởng cá nhân. Không tính nếu trẻ được cân và chỉ được chấm trên biểu đồ tập thể.

Nếu bà mẹ không biết biểu đồ tăng trưởng là gì thì lấy mẫu biểu đồ tăng trưởng cho bà mẹ xem.

**H19a: Nếu có, lần cuối cùng cháu [tên\_trẻ] được cân cách đây bao lâu?**

Mục đích câu hỏi này để kiểm tra khoảng thời gian giữa các lần cân có đảm bảo hay không so với tuổi của trẻ. Nếu thời gian ít hơn 31 thì ghi số ngày. Nếu thời gian nhiều hơn 30 ngày thì ghi số tháng.

**H19b: Nếu có thì ai hiện đang giữ biểu đồ đó? (Nếu bà mẹ giữ thì hỏi cho xem)**

☆ Nếu bà mẹ không có biểu đồ thì lấy một biểu đồ tăng trưởng mới, chỉ cho bà mẹ bằng cách chấm kết quả cân đo của trẻ ngày hôm đó, và tặng biểu đồ đó cho bà mẹ.

## **10. PHẦN I: THÔNG TIN VỀ CUỘC PHÒNG VẤN**

Sau khi đã kết thúc phỏng vấn, ĐTV sẽ phải hoàn thành phần I. ĐT và GSV sau khi kiểm tra phiếu cũng có thể sử dụng phầ này để ghi nhận xét về chất lượng phiếu cũng như kết quả giám sát phỏng vấn nếu có.

**I1: Thời gian và địa điểm hẹn phỏng vấn nếu chưa kết thúc:**

Nếu vì lý do nào đó cuộc phỏng vấn này không thể kết thúc được (Chưa cân hết các đối tượng của hộ; đối tượng trả lời bận việc phải đi vắng một thời gian...) thì ĐTV phải hẹn để quay lại hộ tiếp tục hoàn thành điều tra. Nội dung cuộc hẹn bao gồm thời gian, địa điểm (và tên người gặp nếu cần thiết). Nếu đã hoàn thành cuộc gặp thì ghi kết quả cụ thể của cuộc gặp đó vào phần "Kết quả cuộc gặp".

Nếu đã kết thúc và không cần quay lại hộ gia đình thì gạch chéo phần lựa chọn trả lời của câu này

**I2: Ngôn ngữ được sử dụng trong khi phỏng vấn:**

Chọn lựa chọn tương ứng.

**I3: Đánh giá sự hợp tác của hộ gia đình:**

ĐTV tự đánh giá theo chủ quan về sự hợp tác của hộ gia đình trong việc trả lời phiếu phỏng vấn này.

Hướng dẫn để đánh giá:

Hợp tác tốt (1): Tất cả các phần của phiếu đều có người đúng đối tượng trả lời; các đối tượng tỏ ra trung thực trong khi trả lời hoặc cân đo.

Hợp tác bình thường (2): Tất cả các phần của phiếu đều có người trả lời đúng đối tượng trả lời; các đối tượng trả lời có thể có các biểu hiện không trung thực trong khi trả lời như trả lời quá nhanh.

Không hợp tác (3): Không phải tất cả các phần của phiếu đã có người đúng đối tượng trả lời; các đối tượng có biểu hiện không trung thực trong khi trả lời hoặc từ chối một số câu hỏi phỏng vấn; gia đình không cho đo cân trẻ hoặc từ chối cân đo.

Từ chối tham gia (4): Gia đình từ chối không tham gia vào cuộc điều tra này.

Không tìm thấy hộ (8): ĐTV không tìm hộ điều tra theo yêu cầu hoặc tất cả những thành phần có thể trả lời phiếu đi vắng không hẹn quay lại gặp được

**I4: Ghi lại kết quả thử muối i ốt của ĐTV khẩu phần:**

Phần thử muối i ốt do ĐTV phỏng phần khẩu phần thực hiện và điều trong phiếu khẩu phần hộ gia đình. ĐT khi tập hợp phiếu để kiểm tra sẽ chuyển kết quả kiểm tra trong phiếu khẩu phần sang phiếu này để tiện trong nhập số liệu sau này.



**I5: Nhận xét/ ghi chú của ĐTV:**

Ngoài nhận xét về đánh giá hộ gia đình trong câu I3 ra ĐTV có thể bổ xung hoặc ghi rõ hơn về cuộc phỏng vấn này. ĐTV cũng có thể bổ xung các thông tin có thể ảnh hưởng đến chất lượng phỏng vấn như thời tiết, tiếng ồn...

**I6: Nhận xét/ ghi chú của ĐT:**

Sau khi kiểm tra phiếu ĐT có thể bổ xung các thông tin nhận xét chung về phiếu điều tra, các nội dung cần sửa. Nếu ĐT quan sát quá trình phỏng vấn và phát hiện các phần của ĐTV làm chính xác thì cũng bổ xung vào đây.

**I7: Nhận xét/ ghi chú của GSV:**

Tương tự như ĐT, GSV cũng có thể bổ xung các thông tin của mình vào phần này.

Chú ý: Nếu GSV tiến hành giám sát thì phải có phiếu "Đánh giá chất lượng" BK03 cho cuộc phỏng vấn này.